

Tiết 1,2,3

Ngày soạn: 4/9/2026

BÀI 1. CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CƠ BẢN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI(3 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nêu được khái niệm các hoạt động kinh tế cơ bản: sản xuất, phân phối - trao đổi, tiêu dùng.
- Nêu được vai trò của các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội.
- Tìm tòi, học hỏi và tham gia vào các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi: tiêu dùng có trách nhiệm, tiết kiệm, tôn trọng pháp luật, không tiếp tay cho hàng giả, hàng không rõ nguồn gốc.

2. Về năng lực:

- **Năng lực tìm hiểu và tham gia HĐ KT-XH:** Nhận biết, tìm kiếm được thông tin và giải thích được mối quan hệ giữa các hoạt động kinh tế; tham gia được vào các hoạt động kinh tế (tiêu dùng, trao đổi) phù hợp với lứa tuổi.
- **Năng lực điều chỉnh hành vi:** Nhận thức và đánh giá được hành vi tiêu dùng, sản xuất của bản thân và người khác; đồng tình với các hành vi đúng mực, phản đối hành vi vi phạm đạo đức, pháp luật trong kinh tế.
- **Năng lực phát triển bản thân:** Lập được kế hoạch tiêu dùng hợp lý, tiết kiệm cho cá nhân. Tự nhận thức được thói quen tiêu dùng của bản thân; lập được lựa chọn tiêu dùng hợp lý, tiết kiệm, xanh và an toàn.

3. Về phẩm chất:

- **Chăm chỉ:** Tích cực tìm hiểu kiến thức, có ý thức tham gia lao động sản xuất phù hợp với lứa tuổi.
- **Trách nhiệm:** Thể hiện thái độ tiêu dùng có trách nhiệm, bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng.
- **Trung thực:** Tôn trọng sự thật, không đồng tình với các hành vi gian lận trong sản xuất và kinh doanh.

4. Nội dung tích hợp:

- **Đạo đức, lối sống (tích hợp xuyên suốt):** Tiết 1 giáo dục tôn trọng lao động, sản xuất xanh, an toàn, không làm hàng giả, hàng kém chất lượng; Tiết 2 giáo dục trung thực trong phân phối - trao đổi, tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ và quyền lợi người tiêu dùng; Tiết 3 giáo dục tiêu dùng hợp lý, tiết kiệm, xanh, an toàn, không chạy theo nhu cầu ảo.
- **Phòng, chống tác hại của thuốc lá (liên hệ ở Tiết 3 - hoạt động tiêu dùng):** Học sinh nhận diện thuốc lá, thuốc lá điện tử là sản phẩm tiêu dùng gây hại cho sức khỏe, kinh tế và môi trường; phê phán việc mua bán, sử dụng; lựa chọn và tuyên truyền lối sống không khói thuốc.
- **Phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và giáo dục đạo đức liêm chính (bộ phận/liên hệ):** Tiết 1 giáo dục sử dụng tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng, tài sản trong sản xuất; Tiết 2 phê phán quảng cáo sai sự thật, làm hàng giả, gắn nhãn mác giả, kinh doanh không minh bạch, trốn thuế; Tiết 3 thực hành tiết kiệm điện, nước, tiền bạc, chống tiêu dùng phô trương, lãng phí.
- **Giáo dục quyền con người (liên hệ):** Làm rõ trách nhiệm của các chủ thể kinh tế trong bảo đảm quyền được an toàn về tính mạng, sức khỏe; quyền lao động; quyền sở hữu thu nhập hợp pháp; quyền tự do kinh doanh gắn với nghĩa vụ đóng thuế; quyền và nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên.
- **Năng lực số và AI (tích hợp đúng địa chỉ từng tiết):**
 - + **Tiết 1 - 1.1.NC1b:** Học sinh áp dụng từ khóa và kỹ thuật tìm kiếm để tìm thông tin về “sản xuất xanh”, “nông nghiệp hữu cơ”, “điện mặt trời trong sản xuất”; biết truy cập, lựa chọn thông tin phù hợp với nhiệm vụ. NLc: Học sinh sử dụng gợi ý do AI tạo về lợi ích của sản xuất xanh, đối chiếu với SGK và thực tế, chỉnh sửa cách diễn đạt; không sao chép kết quả AI.
 - + **Tiết 2 - 1.2.NC1a:** Học sinh so sánh, đánh giá độ tin cậy của hai mẫu quảng cáo/bán hàng trực tuyến theo các tiêu chí: người bán, nguồn gốc, thông tin chất lượng, phản hồi, chính sách đổi trả

và hóa đơn. **NLa:**Phân tích tác động của thuật toán gợi ý đến quyền tự quyết và quyền riêng tư của người tiêu dùng. **NLb:**Đánh giá tính minh bạch, công bằng của quảng cáo cá nhân hóa; đề xuất cách sử dụng AI có trách nhiệm, bảo vệ dữ liệu cá nhân, không thao túng nhu cầu.

+ **Tiết 3 - 3.1.NC1a:** Học sinh tạo và chỉnh sửa poster, infographic, slide hoặc video ngắn về tiêu dùng xanh bằng công cụ số. **NLc:**Có thể dùng AI gợi ý khẩu hiệu hoặc bố cục, nhưng phải kiểm chứng, chỉnh sửa, ghi rõ mức độ AI hỗ trợ; không đưa dữ liệu cá nhân hoặc hình ảnh có bản quyền chưa được phép lên công cụ.

+ **Phương án thay thế khi không sử dụng thiết bị:** Giáo viên cung cấp phiếu thông tin, mẫu quảng cáo và hình ảnh in; học sinh thực hiện tìm hiểu, đánh giá, thiết kế sản phẩm trên giấy A4/A3, bảo đảm cùng mục tiêu và tiêu chí đánh giá.

II. THIẾT BỊ GIÁO DỤC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị:

- Máy tính, máy chiếu/bảng tương tác, loa, kết nối Internet; bảng phụ/bảng nhóm, giấy A0/A3, bút dạ, thẻ A/B/C/D hoặc phiếu trả lời nhanh.

- Điện thoại thông minh của học sinh chỉ sử dụng khi nhà trường cho phép. Nếu không được sử dụng thiết bị, giáo viên chuẩn bị phiếu thông tin in sẵn, hình ảnh, đoạn trích tình huống và phiếu học tập.

2. Học liệu:

- SGK Giáo dục kinh tế và pháp luật 10, Bài 1: Các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội.

- Hình ảnh/slide: nhà máy sản xuất, nông dân thu hoạch lúa, Công ty X phân công lao động, chợ phiên Si Ma Cai, tình huống tiêu dùng gạo, tiêu dùng nhựa, bán hàng trực tuyến.

- Phiếu học tập: Phiếu 1 “Nhận diện hoạt động kinh tế”, Phiếu 2 “Công ty X và chợ phiên”, Phiếu 3 “Tiêu dùng và mối quan hệ các hoạt động kinh tế”, Phiếu đánh giá sản phẩm truyền thông tiêu dùng xanh.

- Học liệu số/AI: công cụ tìm kiếm, công cụ trình chiếu, công cụ tạo poster/infographic; công cụ AI tạo sinh dùng để gợi ý ý tưởng, không dùng thay cho tư duy của học sinh.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1: HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI - TRAO ĐỔI

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)- HÀNH TRÌNH HẠT GẠO (5 phút)

a) Mục tiêu hoạt động

Kích hoạt hiểu biết ban đầu của học sinh về các hoạt động gắn với đời sống kinh tế hằng ngày. Tạo hứng thú học tập, giúp học sinh bước đầu nhận ra hạt gạo muốn đến tay người tiêu dùng phải trải qua nhiều công đoạn khác nhau. Định hướng cho học sinh xác định nhiệm vụ học tập của bài: tìm hiểu các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội.

b) Nội dung hoạt động

Học sinh quan sát video ngắn: Hành trình hạt gạo và thực hiện nhiệm vụ: trả lời câu hỏi: Hạt gạo đã trải qua những hoạt động kinh tế cơ bản nào trước khi đến tay người tiêu dùng?

c) Sản phẩm học tập

Câu trả lời của học sinh, bước đầu nêu được một số công đoạn trong hành trình của hạt gạo, như: trồng lúa, thu hoạch, vận chuyển, bán/mua, nấu cơm, ăn uống. Từ đó, học sinh bước đầu nhận ra hạt gạo đã trải qua các hoạt động kinh tế cơ bản: **sản xuất → phân phối, trao đổi → tiêu dùng.**

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Giáo viên trình chiếu video ngắn: Hành trình hạt gạo(dưới 3 phút).

Giáo viên nêu nhiệm vụ cho học sinh:Quan sát video và trả lời câu hỏi: “Hạt gạo đã trải qua những hoạt động kinh tế cơ bản nào trước khi đến tay người tiêu dùng?”

Giáo viên có thể gợi ý thêm bằng các câu hỏi ngắn:

- Trong video, em thấy hạt gạo đã đi qua những công đoạn nào?
- Ai là người tạo ra hạt gạo?
- Ai đưa hạt gạo đến nơi bán?
- Gia đình sử dụng hạt gạo để làm gì?

Lưu ý: Ở hoạt động khởi động, học sinh chưa cần trả lời bằng thuật ngữ kinh tế chính xác, chỉ cần nêu bằng ngôn ngữ đời sống những gì các em quan sát được.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh xem video; suy nghĩ cá nhân trong khoảng 1 phút.
Sau đó học sinh trao đổi nhanh với bạn bên cạnh trong khoảng 1 phút để thống nhất câu trả lời.
Giáo viên quan sát, hỗ trợ những học sinh còn lúng túng bằng các câu hỏi gợi mở như: “Ai trồng lúa?”, “Ai thu hoạch?”, “Ai vận chuyển gạo?”, “Ai mua gạo?”, “Gia đình dùng gạo để làm gì?”

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Giáo viên mời 2–3 học sinh trình bày câu trả lời. Học sinh khác nhận xét, bổ sung.
Giáo viên ghi nhanh lên bảng hoặc màn hình các từ khóa học sinh nêu được, chẳng hạn: trồng lúa – thu hoạch – vận chuyển – bán/mua – nấu cơm – ăn uống.

Bước 4. Kết luận, dẫn dắt vào bài

Giáo viên nhận xét và dẫn vào hoạt động khám phá: Hạt gạo muốn đến tay người tiêu dùng phải trải qua nhiều công đoạn khác nhau. Đó chính là những biểu hiện gần gũi của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội. Từ hành trình của hạt gạo, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay về các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội, gồm: sản xuất, phân phối – trao đổi và tiêu dùng.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

- KHÁI NIỆM HOẠT ĐỘNG KINH TẾ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT (25 phút)

NỘI DUNG 1: TÌM HIỂU HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

- a) Mục tiêu hoạt động:** Học sinh nêu được khái niệm hoạt động kinh tế, nền kinh tế; nêu được khái niệm và vai trò của hoạt động sản xuất; biết liên hệ hoạt động sản xuất xanh, sản xuất có đạo đức.
- b) Nội dung hoạt động:** Học sinh đọc SGK, quan sát hình ảnh, hoàn thành phiếu học tập, trao đổi cặp đôi, trả lời nhanh; phân tích gợi ý của AI theo yêu cầu kiểm chứng.
- c) Sản phẩm học tập:** Phiếu 1 hoàn thành; câu trả lời của học sinh về khái niệm hoạt động kinh tế, vai trò của sản xuất; ví dụ về sản xuất xanh/sản xuất có trách nhiệm.
- d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
Tìm hiểu khái niệm hoạt động kinh tế và nền kinh tế Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu khái niệm hoạt động kinh tế và nền kinh tế Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên yêu cầu học sinh đọc mục Khám phá SGK trang 6. Học sinh làm cá nhân vào Phiếu 1 với 3 câu hỏi: (1) Hoạt động kinh tế là gì? (2) Hoạt động kinh tế gồm những hoạt động cơ bản nào? (3) Vì sao nói nền kinh tế là một chỉnh thể thống nhất? Giáo viên hướng dẫn cách đọc: gạch chân các động từ/chủ thể/sản phẩm trong khái niệm; khoanh tròn 4 hoạt động cơ bản. GV đặt câu hỏi: “Hoạt động kinh tế chỉ nhằm kiếm tiền hay còn nhằm thỏa mãn nhu cầu, tạo giá trị vật chất cho xã hội?”. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh đọc SGK, ghi từ khóa vào phiếu. Giáo viên hỗ trợ học sinh yếu bằng sơ đồ gợi ý:	1. Khái niệm hoạt động kinh tế - Hoạt động kinh tế là tổng hợp các hành vi của cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức trong quá trình sản xuất, phân phối, trao đổi, tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ. - Mục đích: thỏa mãn nhu cầu của con người, tạo ra lợi nhuận hoặc giá trị vật chất. - Vai trò chung: là hoạt động cơ bản, giữ vai trò nền tảng trong đời sống xã hội. 2. Nền kinh tế - Nền kinh tế là tất cả các hoạt động kinh tế của một quốc gia. - Nền kinh tế là chỉnh thể thống nhất của các hoạt động: sản xuất, phân phối - trao đổi, tiêu dùng. - Các hoạt động kinh tế có quan hệ mật thiết, tác động qua lại, bảo đảm nền kinh tế vận động và phát triển.

Chủ thể → Hành vi → Hàng hóa/dịch vụ → Nhu cầu/lợi nhuận/giá trị vật chất.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận:

→ (1) Hoạt động kinh tế: Hoạt động kinh tế là tổng hợp các hành vi của cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức trong quá trình sản xuất, phân phối, trao đổi, tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ.

→ (2) Hoạt động kinh tế gồm những hoạt động cơ bản nào: sản xuất, phân phối - trao đổi, tiêu dùng.

→ (3) Vì sao nói nền kinh tế là một chỉnh thể thống nhất: Các hoạt động kinh tế có quan hệ mật thiết, tác động qua lại, bảo đảm nền kinh tế vận động và phát triển

2 học sinh trình bày khái niệm bằng lời của mình.

Giáo viên yêu cầu một học sinh khác nêu ví dụ gần gũi: gia đình mua rau, cửa hàng bán sách, xưởng may sản xuất đồng phục, học sinh dùng điện thoại học tập.

Bước 4. Kết luận, nhận định:

Giáo viên đánh giá kĩ năng làm việc nhóm của học sinh

Giáo viên chuẩn hóa khái niệm; nhấn mạnh không đồng nhất hoạt động kinh tế với mua bán, vì sản xuất, phân phối, trao đổi, tiêu dùng đều là hoạt động kinh tế.

- **Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu hoạt động sản xuất**

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên chiếu hình ảnh nhà máy sản xuất công nghiệp và nông dân thu hoạch lúa theo SGK. Học sinh quan sát, đọc mục 1 SGK trang 7 và trả lời:

(1) Con người đã sử dụng những yếu tố nào để tạo ra sản phẩm?

(2) Sản phẩm tạo ra đáp ứng nhu cầu gì?

(3) Vì sao sản xuất được coi là hoạt động cơ bản nhất?

Tích hợp NLS 1.1.NC1b:

Với lớp có thiết bị, học sinh áp dụng kĩ thuật tìm kiếm bằng từ khóa có dấu ngoặc kép: “sản xuất xanh”, “nông nghiệp hữu cơ”, “điện mặt trời trong sản xuất”.

Với lớp không thiết bị, giáo viên phát phiếu thông tin ngắn về một mô hình sản xuất xanh.

Tích hợp AI NLc:

Giáo viên trình chiếu một gợi ý ngắn do AI tạo sinh đề xuất về “lợi ích của sản xuất xanh”. Học sinh không chép ngay mà kiểm tra: ý nào đúng với bài học, ý nào cần diễn đạt lại cho chính xác?

Giáo viên nhấn mạnh AI chỉ là công cụ gợi ý, học sinh phải kiểm chứng bằng SGK và thực tế.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:

Học sinh làm việc cá nhân, sau đó trao đổi cặp đôi để hoàn thiện bảng: Yếu tố sản xuất - Sản phẩm -

3. Các hoạt động kinh tế cơ bản

a. Hoạt động sản xuất

- **Khái niệm:** Là hoạt động con người sử dụng các yếu tố sản xuất để tạo ra các sản phẩm đáp ứng nhu cầu của đời sống xã hội.

- Yếu tố sản xuất có thể gồm: lao động, tư liệu sản xuất, nguyên vật liệu, vốn, tri thức, công nghệ, tổ chức quản lí.

- **Vai trò:**

- Sản xuất là hoạt động cơ bản nhất trong các hoạt động của con người.

- Sản xuất tạo ra của cải vật chất, hàng hóa, dịch vụ đáp ứng nhu cầu xã hội.

- Sản xuất giữ vai trò quyết định đối với phân phối - trao đổi và tiêu dùng vì phải có sản phẩm thì mới có cơ sở để phân phối, trao đổi, tiêu dùng.

Nhu cầu được đáp ứng - Vai trò. Giáo viên quan sát, hỗ trợ học sinh phân biệt “sản xuất” với “trao đổi” bằng câu hỏi: “Khâu này có tạo ra sản phẩm mới không?”. Bước 3. Báo cáo, thảo luận: Giáo viên mời 2 cặp đôi báo cáo. →(1) Con người đã sử dụng những yếu tố nào để tạo ra sản phẩm: Lao động, tư liệu sản xuất, nguyên vật liệu, vốn, kinh nghiệm, hiểu biết, máy móc công nghệ, trình độ quản lí →(2) Sản phẩm tạo ra đáp ứng nhu cầu: → nhu cầu tiêu dùng của con người →(3) Vì sao sản xuất được coi là hoạt động cơ bản nhất: - Hoạt động sản xuất giữ vai trò quyết định đến các hoạt động kinh tế khác Học sinh khác bổ sung ví dụ về sản xuất ở địa phương. Giáo viên đặt câu hỏi: “Nếu xã hội chỉ có nhu cầu tiêu dùng nhưng không có sản xuất thì điều gì xảy ra?” Nếu sản xuất không chú ý an toàn, môi trường thì xã hội chịu hậu quả gì?”. Bước 4. Kết luận, nhận định: Giáo viên chuẩn hóa nội dung; liên hệ đạo đức lối sống: người sản xuất cần tôn trọng sức khỏe người tiêu dùng, bảo vệ môi trường, không làm hàng giả, hàng kém chất lượng. Học sinh ghi nội dung cột phải vào vở. ➔- Biết trân trọng lao động sản xuất. - Đồng tình với sản xuất an toàn, xanh, có trách nhiệm; phê phán sản xuất gây hại sức khỏe, môi trường, làm giả nhãn mác..	
--	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP - NHẬN DIỆN SẢN XUẤT VÀ SẢN XUẤT XANH (10 phút)

a) Mục tiêu hoạt động: Cùng cố kiến thức về hoạt động kinh tế và hoạt động sản xuất; rèn kĩ năng nhận diện bản chất sản xuất, giải thích lợi ích của sản xuất xanh.

b) Nội dung hoạt động: Học sinh giải bài tập SGK về sản xuất xanh và trả lời trắc nghiệm nhận diện hoạt động kinh tế, sản xuất.

c) Sản phẩm học tập:

Câu trả lời bài tập SGK; bảng đáp án trắc nghiệm; phần giải thích ngắn của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

Giáo viên giao Phần A - Bài tập SGK: đọc tình huống “Doanh nghiệp Việt Nam thực hiện sản xuất xanh, giảm thiểu ô nhiễm để phát triển bền vững...” và trả lời:

(1) Em hiểu thế nào là sản xuất xanh?

(2) Việc thực hiện sản xuất xanh mang lại lợi ích gì cho doanh nghiệp và xã hội?

Giáo viên phát/trình chiếu 08 câu trắc nghiệm.

Học sinh làm cá nhân, gạch chân từ khóa trong câu hỏi.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:

Học sinh làm cá nhân trong 5 phút.

Giáo viên đi tới từng dãy, nhắc học sinh phân tích theo dấu hiệu: có tạo ra sản phẩm không, có sử dụng yếu tố sản xuất không, sản phẩm có thân thiện môi trường không.

Với học sinh còn lúng túng, giáo viên gợi ý: “Sản xuất xanh khác sản xuất thông thường ở điểm nào?”.

Bước 3. Báo cáo kết quả, thảo luận:

Giáo viên gọi 2 học sinh trình bày câu trả lời Phần A; học sinh khác nhận xét, bổ sung.

Với trắc nghiệm, giáo viên tổ chức “thẻ đáp án nhanh”: học sinh ghi A/B/C/D; sau mỗi câu, một học sinh nêu căn cứ chọn đáp án, không chỉ đọc chữ cái.

Bước 4. Kết luận, nhận định:

Giáo viên chốt: sản xuất xanh là sản xuất gắn với tiết kiệm tài nguyên, giảm ô nhiễm, tạo sản phẩm thân thiện môi trường; lợi ích với doanh nghiệp là tiết kiệm chi phí, nâng uy tín, đáp ứng nhu cầu thị trường; lợi ích với xã hội là bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng, phát triển bền vững.

Giáo viên nhận xét thái độ học tập và sửa lỗi nhầm lẫn giữa sản xuất với trao đổi/tiêu dùng.

Phần B. Luyện tập trắc nghiệm (đáp án đúng được gạch chân):

Mức độ đánh giá: Câu 1-3: Nhận biết; Câu 4-6: Thông hiểu; Câu 7-8: Vận dụng.

Câu 1. Hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội gồm những hoạt động nào sau đây?

A. Sản xuất, phân phối - trao đổi, tiêu dùng.

- B. Chỉ có mua bán hàng hóa.
- C. Chỉ có sản xuất và tiết kiệm.
- D. Chỉ có tiêu dùng và giải trí.

Câu 2. Hoạt động kinh tế được thực hiện nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

- A. Tạo sự cạnh tranh không lành mạnh.

B. Thỏa mãn nhu cầu của con người, tạo ra lợi nhuận hoặc giá trị vật chất.

- C. Làm cho hàng hóa khan hiếm hơn.
- D. Tách con người khỏi đời sống xã hội.

Câu 3. Hoạt động nào sau đây trực tiếp tạo ra sản phẩm đáp ứng nhu cầu xã hội?

- A. Phân phối.
- B. Trao đổi.

C. Sản xuất.

- D. Tiêu dùng.

Câu 4. Nội dung nào sau đây thể hiện đúng khái niệm hoạt động sản xuất?

- A. Sử dụng sản phẩm để thỏa mãn nhu cầu.
- B. Phân chia kết quả sản xuất cho các chủ thể.
- C. Đưa hàng hóa từ người bán đến người mua.

D. Sử dụng các yếu tố sản xuất để tạo ra sản phẩm.

Câu 5. Vì sao sản xuất giữ vai trò quyết định đối với phân phối - trao đổi và tiêu dùng?

A. Vì phải có sản phẩm thì mới có cơ sở để phân phối, trao đổi, tiêu dùng.

- B. Vì sản xuất làm cho con người không cần tiêu dùng.
- C. Vì sản xuất luôn thay thế hoàn toàn hoạt động trao đổi.
- D. Vì sản xuất chỉ phục vụ lợi ích của người bán.

Câu 6. Việc doanh nghiệp sử dụng điện mặt trời, tiết kiệm năng lượng để tạo sản phẩm thân thiện môi trường thể hiện xu hướng nào?

A. Sản xuất xanh.

- B. Tiêu dùng lãng phí.
- C. Trao đổi tự phát.
- D. Phân phối không hợp lý.

Câu 7. Hành vi nào sau đây cần phê phán trong hoạt động sản xuất?

- A. Sử dụng công nghệ sạch.
- B. Kiểm soát chất lượng sản phẩm.

C. Làm hàng giả, hàng kém chất lượng.

- D. Tiết kiệm nguyên liệu.

Câu 8. Ví dụ nào sau đây thuộc hoạt động sản xuất?

- A. Gia đình dùng gạo để nấu cơm ăn.

B. Nhà máy may đồng phục học sinh.

C. Cửa hàng bán sách cho học sinh.

D. Doanh nghiệp trả lương cho người lao động.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG NỐI TIẾP - NHẬT KÍ QUAN SÁT MỘT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT (5 phút giao nhiệm vụ)

a) Mục tiêu hoạt động: Giúp học sinh vận dụng nối tiếp kiến thức tiết 1 về hoạt động sản xuất vào quan sát đời sống gia đình/địa phương; hình thành thái độ trân trọng lao động và ý thức sản xuất có trách nhiệm.

b) Nội dung hoạt động: Học sinh thực hiện ngoài giờ: quan sát một hoạt động sản xuất phù hợp, an toàn ở gia đình/địa phương hoặc qua tư liệu giáo viên cung cấp; ghi lại các yếu tố sản xuất, sản phẩm, nhu cầu được đáp ứng và đề xuất một biện pháp làm cho hoạt động đó xanh/an toàn hơn.

c) Sản phẩm học tập: Một đoạn viết 8-10 dòng hoặc bảng 4 cột: Hoạt động sản xuất - Yếu tố sản xuất - Sản phẩm/nhu cầu - Đề xuất xanh/an toàn.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên nêu yêu cầu rõ ràng, giao thời hạn nộp ở đầu tiết 2.

Học sinh có thể chọn ví dụ gần gũi: trồng rau, làm bánh, may mặc, chế biến thực phẩm, sản xuất đồ thủ công, cơ sở sản xuất ở địa phương.

Giáo viên lưu ý HS: không tự ý vào nơi sản xuất nguy hiểm, không quay/chụp người khác khi chưa được phép.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh thực hiện ở nhà; nếu không có điều kiện quan sát trực tiếp, học sinh dùng hình ảnh/phiếu tư liệu giáo viên phát để phân tích.

Giáo viên nhắc học sinh viết bằng lời của mình, không sao chép văn bản trên mạng hoặc văn bản do AI tạo ra.

Bước 3. Báo cáo kết quả, thảo luận: Đầu tiết 2, giáo viên thu nhanh 3-5 sản phẩm, chọn 1 sản phẩm tiêu biểu và 1 sản phẩm còn thiếu để trao đổi, giúp học sinh biết tiêu chí hoàn thiện.

Bước 4. Kết luận, nhận định:

Giáo viên đánh giá theo tiêu chí: đúng khái niệm sản xuất, chỉ ra được yếu tố sản xuất, nêu được vai trò/nhu cầu, có đề xuất xanh/an toàn phù hợp.

Giáo viên khen học sinh có ví dụ thực tế và trung thực.

TIẾT 2. HOẠT ĐỘNG PHÂN PHỐI - TRAO ĐỔI

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG) - CHIẾC ÁO ĐẾN TAY NGƯỜI TIÊU DÙNG (5 phút)

a) Mục tiêu hoạt động: Tái hiện kiến thức tiết 1 và tạo tình huống có vấn đề: sản phẩm sau khi được sản xuất cần được phân chia, vận chuyển, mua bán để đến tay người tiêu dùng.

b) Nội dung hoạt động:

Học sinh quan sát hình ảnh một chiếc áo đồng phục/áo sơ mi và trả lời nhanh chuỗi câu hỏi: ai sản xuất, ai phân chia nguyên liệu/lao động, ai bán, ai mua, ai sử dụng.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời thể hiện học sinh phân biệt bước đầu giữa sản xuất, phân phối, trao đổi.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

Giáo viên đưa một chiếc áo/ảnh chiếc áo lên lớp và hỏi: “Trước khi chiếc áo có mặt ở cửa hàng hoặc trên người chúng ta, nó đã đi qua những khâu nào?”.

Học sinh làm cá nhân 30 giây, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:

Học sinh liệt kê các khâu: thiết kế, mua vải, cắt, may, kiểm tra, đóng gói, vận chuyển, bán hàng, mua hàng.

Giáo viên quan sát và gợi mở: “Khâu nào là tạo ra sản phẩm?”

Khâu nào là phân chia nguồn lực/kết quả? Khâu nào là mua bán?”.

Bước 3. Báo cáo kết quả, thảo luận: Giáo viên gọi 2 học sinh trình bày; học sinh khác nhận xét.

Giáo viên cho cả lớp dùng kí hiệu tay: 1 ngón = sản xuất, 2 ngón = phân phối, 3 ngón = trao đổi để phân loại từng khâu.

Bước 4. Kết luận, nhận định:

Giáo viên chốt: sau sản xuất, sản phẩm và nguồn lực cần được phân phối; hàng hóa cần được trao đổi để đến tay người tiêu dùng.

Tiết học này tìm hiểu hai hoạt động trung gian quan trọng: phân phối và trao đổi.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

- HOẠT ĐỘNG PHÂN PHỐI - TRAO ĐỔI (25 phút)

a) Mục tiêu hoạt động: Học sinh nêu được nội dung và vai trò của hoạt động phân phối - trao đổi; phân biệt được phân phối cho sản xuất, phân phối cho tiêu dùng và trao đổi;

nhận diện tác động của bán hàng trực tuyến, thuật toán gợi ý đến hành vi mua sắm.

b) Nội dung hoạt động: Học sinh đọc trường hợp Công ty X, chợ phiên Si Ma Cai trong SGK; hoàn thành phiếu học tập theo cặp; phân tích tình huống bán hàng trực tuyến, quảng cáo/gợi ý thuật toán.

c) Sản phẩm học tập: Phiếu 2 hoàn thành; câu trả lời về phân phối, trao đổi;

ví dụ thực tế và biện pháp tham gia trao đổi an toàn, trung thực.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
Nhiệm vụ 1. Phân tích phân phối trong Công ty X Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên yêu cầu học sinh đọc trường hợp Công ty X trong SGK trang 7-8. Học sinh làm việc theo cặp đôi, hoàn thành Phiếu 2 phần A: (1) Công ty X phân chia những yếu tố sản xuất nào? (2) Công ty X phân chia kết quả sản xuất như thế nào? (3) Việc phân phối hợp lí mang lại kết quả gì cho doanh nghiệp và người lao động? Câu hỏi: “Nếu công ty phân công lao động tùy tiện, không phân bổ máy móc và nguyên vật liệu hợp lí thì tiến độ hợp đồng, thu nhập người lao động bị ảnh hưởng thế nào?” Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh đọc tình huống, gạch chân các cụm từ: phân công lao động, phân bổ máy móc, nguyên vật liệu, doanh thu, lợi nhuận, cải thiện thu nhập. Giáo viên hỗ trợ học sinh yếu bằng bảng gợi ý: Phân phối cho sản xuất/Phân phối cho tiêu dùng. Bước 3. Báo cáo, thảo luận: 2 cặp đôi báo cáo. Giáo viên yêu cầu học sinh khác nhận xét điểm đúng, bổ sung ví dụ: phân ca lao động, phân nguyên liệu cho tổ sản xuất, trả lương, nộp thuế, chia lợi nhuận. Bước 4. Kết luận, nhận định: Giáo viên chuẩn hóa khái niệm hai giai đoạn phân phối; nhấn mạnh phân phối hợp lí tạo động lực lao động, giúp sản xuất vận hành ổn định; phân phối không hợp lí có thể kìm hãm sản xuất	b. Hoạt động phân phối - trao đổi - Hoạt động phân phối: + Là hoạt động phân chia các yếu tố sản xuất cho các ngành, các đơn vị sản xuất và phân chia sản phẩm cho các cá nhân tiêu dùng. + Vai trò: Thúc đẩy sản xuất phát triển (nếu phân phối phù hợp) hoặc kìm hãm sản xuất (nếu phân phối không phù hợp) + Phân phối cho sản xuất - Là việc phân chia các yếu tố sản xuất cho các ngành, đơn vị, bộ phận sản xuất khác nhau để tạo ra sản phẩm. - Ví dụ: phân công lao động cho bộ phận cắt vải, may, kiểm tra; phân bổ máy móc, nguyên vật liệu, vốn. + Phân phối cho tiêu dùng - Sau khi sản xuất tạo ra của cải, dịch vụ, kết quả đó được phân chia cho các chủ thể có liên quan. - Ví dụ: doanh nghiệp thu lợi nhuận; người lao động nhận tiền lương; Nhà nước thu thuế phục vụ hoạt động chung. + Vai trò - Giúp nguồn lực được sử dụng hợp lí. - Bảo đảm chia sẻ thành quả sản xuất, tạo động lực cho sản xuất và lao động. - Có thể thúc đẩy hoặc kìm hãm sản xuất tùy mức độ hợp lí của phân phối. - Hoạt động trao đổi: + Khái niệm/biểu hiện - Trao đổi là hoạt động đưa sản phẩm từ người sản xuất/người bán đến người tiêu dùng thông qua mua bán, trao đổi hàng hóa, dịch vụ. - Trao đổi có thể diễn ra trực tiếp tại chợ/cửa hàng hoặc qua nền tảng số, thương mại điện

Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu hoạt động trao đổi qua chợ phiên Si Ma Cai và bán hàng trực tuyến

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

Giáo viên yêu cầu học sinh đọc trường hợp chợ phiên Si Ma Cai SGK trang 8, quan sát hình ảnh minh họa và trả lời Phiếu 2 phần B:

- (1) Người dân đến chợ để làm gì?
- (2) Hàng hóa nào được trao đổi?
- (3) Chợ phiên có vai trò gì đối với người sản xuất và người tiêu dùng?
- (4) Bán hàng trực tuyến giống và khác chợ phiên ở điểm nào?

Tích hợp NLS 1.2.NC1a: Học sinh so sánh 2 mẫu quảng cáo và đánh giá độ tin cậy theo các tiêu chí: thông tin người bán, nguồn gốc sản phẩm, thông tin chất lượng, đánh giá/phản hồi, chính sách đổi trả, hóa đơn/chứng từ.

Nếu có thiết bị, học sinh quan sát 2 mẫu quảng cáo do giáo viên chụp sẵn và chọn nguồn đáng tin hơn; nếu không có thiết bị, giáo viên phát phiếu in.

Tích hợp AI NLa, NLb: Giáo viên đặt tình huống: “Sau khi em tìm một đôi giày, mạng xã hội liên tục gợi ý quảng cáo giày. Điều đó có thể ảnh hưởng thế nào đến quyết định mua của em? Có vấn đề gì về dữ liệu cá nhân và đạo đức quảng cáo?”.

Học sinh trao đổi nhanh theo cặp, không cần dùng công cụ AI trong lớp.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh đọc tình huống, ghi câu trả lời. Giáo viên hỗ trợ bằng câu hỏi gợi mở:

“Trao đổi có nhất thiết diễn ra ở chợ truyền thống không?”,

“Mua bán trực tuyến có phải trao đổi không?”,

“Làm thế nào để tránh mua hàng không đúng quảng cáo?”.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận:

Giáo viên gọi một cặp trình bày vai trò của chợ phiên, một cặp phân tích bán hàng trực tuyến.

Học sinh khác bổ sung mặt tích cực/tiêu cực.

Giáo viên dẫn dắt học sinh phê phán hành vi bán hàng không rõ nguồn gốc, quảng cáo sai, trốn thuế.

Bước 4. Kết luận, nhận định:

Giáo viên chuẩn hóa khái niệm và vai trò của trao đổi; giáo dục học sinh khi tham gia trao đổi phải trung thực, tôn trọng pháp luật, biết bảo vệ dữ liệu và quyền lợi người tiêu dùng trong môi trường số.

➔- Trung thực về thông tin hàng hóa, giá cả,

từ.

+ Vai trò: Là cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng, giúp người sản xuất bán được hàng, người tiêu dùng mua được sản phẩm phù hợp.

- Giúp người sản xuất bán được hàng, thu hồi vốn, duy trì và phát triển sản xuất.

- Giúp người tiêu dùng mua được thứ mình cần, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và sản xuất.

- Là cầu nối quan trọng giữa sản xuất với tiêu dùng.

nguồn gốc, chất lượng. - Không trốn thuế, không bán hàng giả, hàng cấm, hàng không rõ nguồn gốc. - Người tiêu dùng cần kiểm tra thông tin, không dễ thuật toán/quảng cáo thao túng quyết định mua sắm → Yêu cầu khi tham gia trao đổi - Trung thực về thông tin hàng hóa, giá cả, nguồn gốc, chất lượng. - Không trốn thuế, không bán hàng giả, hàng cấm, hàng không rõ nguồn gốc. - Người tiêu dùng cần kiểm tra thông tin, không dễ thuật toán/quảng cáo thao túng quyết định mua sắm.	
--	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP - XỬ LÝ TÌNH HUỐNG PHÂN PHỐI, TRAO ĐỔI (12 phút)

a) Mục tiêu hoạt động:

- củng cố kiến thức về phân phối, trao đổi;
- rèn kỹ năng phân tích tình huống thực tiễn, đánh giá hành vi đúng/sai trong kinh doanh.

b) Nội dung hoạt động: Học sinh làm bài tập SGK về điều chỉnh phân phối, bán hàng trực tuyến và tình huống chị H gắn nhãn mác thương hiệu nổi tiếng; sau đó trả lời 05 câu trắc nghiệm.

c) Sản phẩm học tập: Lời giải bài tập SGK; cách xử lý tình huống;

- Bảng đáp án trắc nghiệm có giải thích ngắn.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

Giáo viên giao phần A gồm 3 nhiệm vụ:

- (1) Đọc tình huống Doanh nghiệp Y điều chỉnh phân phối thu nhập và nêu lợi ích cho doanh nghiệp, người lao động.
- (2) Đọc tình huống bán hàng trực tuyến và xác định thuộc hoạt động kinh tế nào, tác động tích cực/tiêu cực, biện pháp hạn chế tiêu cực.
- (3) Xử lý tình huống chị H định gắn nhãn mác thương hiệu nổi tiếng lên sản phẩm của mình. Sau đó học sinh làm phần B trắc nghiệm.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:

Học sinh làm cá nhân 4 phút, sau đó trao đổi cặp đôi 3 phút.

Giáo viên nhắc học sinh lập luận theo cấu trúc: xác định hoạt động kinh tế → tác động/lợi ích/hậu quả → giải pháp/cách xử lý. Với tình huống chị H

Giáo viên gợi ý học sinh dựa vào chuẩn mực trung thực, tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, bảo vệ người tiêu dùng.

Bước 3. Báo cáo kết quả, thảo luận:

Giáo viên chọn 3 cặp trình bày 3 nhiệm vụ.

Học sinh khác dùng thẻ xanh/đỏ để đồng tình hoặc chưa đồng tình với cách xử lý, sau đó nêu lý do.

Giáo viên đặt câu hỏi chất vấn: “Vì sao bán hàng trực tuyến vừa mở ra cơ hội khởi nghiệp vừa có thể gây rủi ro cho người tiêu dùng và Nhà nước?”.

Bước 4. Kết luận, nhận định:

Giáo viên chốt: điều chỉnh phân phối thu nhập hợp lý giúp doanh nghiệp duy trì việc làm và người lao động chia sẻ khó khăn; bán hàng trực tuyến thuộc hoạt động trao đổi, có tác động tích cực nhưng phải minh bạch nguồn gốc, chất lượng, nghĩa vụ thuế; chị H không nên làm giả nhãn mác vì vi phạm đạo đức kinh doanh, quyền sở hữu trí tuệ và quyền lợi người tiêu dùng.

Phần B. Luyện tập trắc nghiệm (đáp án đúng được gạch chân):

BÀI 1: CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CƠ BẢN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

Câu 1. Sau khi kết thúc kì kế toán năm, hội đồng quản trị công ty X quyết định trích một phần lợi nhuận thu được để chi trả tiền lương và thưởng hiệu quả công việc cho toàn thể nhân viên. Quyết định của công ty X phản ánh việc thực hiện hoạt động kinh tế nào sau đây?

A. Hoạt động phân phối cho quá trình sản xuất.

B. Hoạt động phân phối kết quả cho tiêu dùng.

C. Hoạt động trao đổi hàng hoá trên thị trường.

D. Hoạt động tiêu dùng các dịch vụ thiết yếu.

Đáp án đúng: B. Hoạt động phân phối kết quả cho tiêu dùng.

Giải thích: Theo SGK, phân phối cho tiêu dùng là việc phân chia của cải, dịch vụ (ở đây là lợi nhuận, tiền lương, tiền thưởng) cho các chủ thể có liên quan sau khi quá trình sản xuất hoàn thành.

Yêu cầu cần đạt: Nêu được các hoạt động kinh tế và vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội.

Năng lực: NL III (Tìm hiểu hiện tượng kinh tế - xã hội).

Câu 2. Báo cáo lao động năm 2025 cho thấy, tại các khu công nghiệp áp dụng chính sách chia sẻ 10% lợi nhuận trực tiếp vào quỹ lương và phúc lợi cho công nhân, năng suất lao động tại các đơn vị này đã tăng vọt lên 25%. Số liệu thực tiễn này thể hiện vai trò tích cực của nội dung nào sau đây?

A. Hoạt động phân phối đối với sản xuất.

B. Hoạt động trao đổi đối với người dùng.

C. Hoạt động tiêu dùng đối với sản xuất.

D. Hoạt động phân phối cho khâu tiêu dùng.

Đáp án đúng: A. Hoạt động phân phối đối với sản xuất.

Giải thích: Việc chia sẻ thành quả sản xuất (lợi nhuận, tiền lương) thuộc khâu phân phối. Sự phân phối hợp lý (tăng phúc lợi) đã trực tiếp tạo động lực kích thích người lao động, từ đó thúc đẩy và duy trì sự phát triển của sản xuất.

Yêu cầu cần đạt: Nêu được các hoạt động kinh tế và vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội.

Năng lực: NL III (Tìm hiểu hiện tượng kinh tế - xã hội).

Câu 3. Tình huống: Để kịp tiến độ giao hàng xuất khẩu theo hợp đồng, Giám đốc xưởng may M đã quyết định điều chuyển 50 công nhân từ bộ phận đóng gói sang bộ phận cắt may, đồng thời phân bổ thêm vốn để nhập các lô vải cuộn mới. Quyết định điều hành này phản ánh việc Giám đốc đang thực hiện nội dung nào sau đây?

A. Hoạt động phân phối cho quá trình sản xuất.

B. Hoạt động phân phối thành quả cho tiêu dùng.

C. Hoạt động trao đổi mua bán trên thương trường.

D. Hoạt động tiêu dùng các sản phẩm hoàn thiện.

Đáp án đúng: A. Hoạt động phân phối cho quá trình sản xuất.

Giải thích: Việc phân chia, điều chuyển các yếu tố đầu vào (công nhân/lao động, nguồn vốn, nguyên vật liệu) cho các bộ phận sản xuất khác nhau để tạo ra sản phẩm chính là biểu hiện cốt lõi của hoạt động phân phối cho sản xuất.

Yêu cầu cần đạt: Nêu được các hoạt động kinh tế và vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội.

Năng lực: NL III (Tìm hiểu hiện tượng kinh tế - xã hội).

Câu 4. Trong nền kinh tế thị trường, hoạt động đóng vai trò là cầu nối, vừa giúp người sản xuất thu hồi vốn để duy trì sản xuất, vừa giúp người tiêu dùng mua được sản phẩm đáp ứng nhu cầu phản ánh bản chất của khái niệm nào sau đây?

A. Hoạt động phân phối cho quy trình sản xuất.

B. Hoạt động phân phối kết quả cho tiêu dùng.

C. Hoạt động trao đổi hàng hoá trên thị trường.

D. Hoạt động tiêu dùng các loại sản phẩm cuối.

Đáp án đúng: C. Bản chất của hoạt động trao đổi hàng hoá trên thị trường.

Giải thích: Trao đổi là hoạt động đưa sản phẩm từ người bán đến người mua. Nó là cầu nối không thể thiếu để giải quyết đầu ra cho sản xuất (thu hồi vốn) và đáp ứng đầu vào cho tiêu dùng (thoả mãn nhu cầu).

Yêu cầu cần đạt: Nêu được các hoạt động kinh tế và vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội.

Năng lực: NL III (Tìm hiểu hiện tượng kinh tế - xã hội).

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG NỐI TIẾP - KIỂM TRA MỘT THÔNG TIN BÁN HÀNG TRỰC TUYẾN (3 phút giao nhiệm vụ)

a) Mục tiêu hoạt động: Giúp học sinh vận dụng nối tiếp kiến thức tiết 2 về trao đổi và năng lực đánh giá thông tin số để tham gia mua bán trực tuyến an toàn, đúng pháp luật, có trách nhiệm.

b) Nội dung hoạt động: Học sinh chọn một quảng cáo/sản phẩm bán trực tuyến phổ biến với học sinh (đồ dùng học tập, quần áo, đồ công nghệ giá nhỏ...) và lập bảng kiểm độ tin cậy; không yêu cầu mua hàng.

c) Sản phẩm học tập: Bảng kiểm 5 tiêu chí: tên/người bán, nguồn gốc hàng hóa, thông tin chất lượng, phản hồi người mua, chính sách đổi trả/hóa đơn; kết luận nên/không nên mua và lí do.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao nhiệm vụ thực hiện ở nhà, thời hạn nộp đầu tiết 3. Học sinh được dùng ảnh chụp màn hình nhưng phải che thông tin cá nhân, không chia sẻ link mua hàng trong nhóm lớp nếu chưa kiểm chứng.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:

Học sinh quan sát một mẫu quảng cáo, điền bảng kiểm.

Với học sinh không có thiết bị, giáo viên cung cấp 2 mẫu quảng cáo in sẵn để lựa chọn và đánh giá.

Bước 3. Báo cáo kết quả, thảo luận: Đầu tiết 3, giáo viên mời 2 học sinh chia sẻ một dấu hiệu đáng tin và một dấu hiệu rủi ro. Các học sinh khác bổ sung cách tự bảo vệ dữ liệu cá nhân khi mua hàng trực tuyến.

Bước 4. Kết luận, nhận định: Giáo viên đánh giá sản phẩm theo tiêu chí đúng kiến thức trao đổi, biết kiểm chứng thông tin, có kết luận rõ, thái độ tiêu dùng trách nhiệm. Giáo viên nhấn mạnh: không dễ quảng cáo/thuật toán gợi ý quyết định thay mình.

TIẾT 3.

HOẠT ĐỘNG TIÊU DÙNG, MỐI QUAN HỆ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG) - GIỎ HÀNG 60 GIÂY (5 phút)

a) Mục tiêu hoạt động: Tạo hứng thú và kết nối bài học với trải nghiệm tiêu dùng của học sinh; dẫn dắt vào khái niệm tiêu dùng và tác động của tiêu dùng đến sản xuất, phân phối - trao đổi.

b) Nội dung hoạt động: Học sinh quan sát “giỏ hàng” trên slide gồm: gạo, sách, nước uống, ống hút nhựa, áo đồng phục, gói dữ liệu học tập trực tuyến; phân loại nhu cầu thiết yếu/chưa thiết yếu, tiêu dùng lành mạnh/chưa lành mạnh.

c) Sản phẩm học tập: Bảng phân loại nhanh của học sinh; câu trả lời miệng về việc lựa chọn tiêu dùng có trách nhiệm.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

Giáo viên chiếu slide giỏ hàng trong 60 giây, yêu cầu học sinh chọn 3 sản phẩm cần thiết nhất đối với một học sinh trong tuần học và nêu lí do.

Giáo viên lưu ý: không phán xét lựa chọn cá nhân, nhưng phải giải thích bằng tiêu chí nhu cầu, sức khỏe, môi trường, khả năng tài chính.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:

Học sinh làm cá nhân 1 phút, sau đó giơ thẻ hoặc phát biểu nhanh.

Giáo viên quan sát xu hướng lựa chọn để khai thác: vì sao nhiều bạn chọn sách/gạo/dữ liệu học tập, vì sao cần cân nhắc ống hút nhựa, đồ không thiết yếu hoặc sản phẩm có hại như thuốc lá điện tử.

Bước 3. Báo cáo kết quả, thảo luận: Giáo viên gọi 3 học sinh nêu lựa chọn.

Học sinh khác nhận xét: lựa chọn đó có đáp ứng nhu cầu thật không, có tiết kiệm không, có ảnh hưởng môi trường/sức khỏe không.

Giáo viên gợi mở câu hỏi: “Khi nhiều người tiêu dùng chọn sản phẩm xanh, doanh nghiệp sẽ thay đổi sản xuất như thế nào?”.

Bước 4. Kết luận, nhận định: Giáo viên chốt: tiêu dùng không chỉ là sử dụng sản phẩm; lựa chọn tiêu dùng còn gửi tín hiệu cho sản xuất và trao đổi. Tiết 3 tìm hiểu hoạt động tiêu dùng, mối quan hệ giữa các hoạt động kinh tế và vận dụng tiêu dùng xanh.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

- HOẠT ĐỘNG TIÊU DÙNG VÀ MỐI QUAN HỆ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (24 phút)

a) Mục tiêu hoạt động: Học sinh nêu được khái niệm, vai trò của hoạt động tiêu dùng; trình bày được mối quan hệ giữa sản xuất, phân phối - trao đổi, tiêu dùng; nhận diện được tác động của thuật toán gợi ý đến tiêu dùng.

b) Nội dung hoạt động: Học sinh quan sát tranh, đọc thông tin SGK, hoàn thành sơ đồ mối quan hệ, phân tích tình huống tiêu dùng trong môi trường số.

c) Sản phẩm học tập: Phiếu 3 hoàn thành; sơ đồ mối quan hệ các hoạt động kinh tế; câu trả lời về tiêu dùng xanh, tiêu dùng thông minh, tự chủ trước quảng cáo/ thuật toán.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu hoạt động tiêu dùng Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát tranh SGK trang 9: mẹ và con gái nấu cơm từ gạo; chủ quán cơm mua gạo ngon để nấu cơm phục vụ khách. Học sinh trả lời Phiếu 3 phần A: (1) Các nhân vật đã dùng gạo để đáp ứng nhu cầu gì? (2) Mục đích sử dụng gạo ở hai tranh khác nhau thế nào? (3) Từ đó, tiêu dùng là gì? Giáo viên đặt câu hỏi: “Một sản phẩm có thể được tiêu dùng cho sinh hoạt và cũng có thể được tiêu dùng cho sản xuất/kinh doanh không? Hãy nêu ví dụ khác ngoài gạo”. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh làm cá nhân, sau đó trao đổi cặp đôi. Giáo viên hỗ trợ học sinh phân biệt: tiêu dùng cho sinh hoạt (gia đình ăn cơm) và tiêu dùng cho sản xuất/kinh doanh (quán cơm dùng gạo làm đầu vào để cung cấp dịch vụ ăn uống). Bước 3. Báo cáo, thảo luận: 2 học sinh trình bày; học sinh khác bổ sung ví dụ: điện dùng trong gia đình/điện dùng trong xưởng; vải dùng may áo cho bản thân/vải dùng trong xưởng may. Bước 4. Kết luận, nhận định: Giáo viên chuẩn hóa khái niệm tiêu dùng và vai trò của tiêu dùng; nhấn mạnh tiêu dùng phải hợp lý, tiết kiệm, an toàn, không sử dụng sản phẩm gây hại sức khỏe như thuốc lá điện tử, không lãng phí tài sản, điện, nước. ➔ - Tiêu dùng hợp lý, tiết kiệm, xanh, an toàn; phê phán tiêu dùng lãng phí, tiêu dùng sản phẩm gây hại sức khỏe và môi trường Nhiệm vụ 2. Mối quan hệ giữa sản xuất, phân phối - trao đổi, tiêu dùng Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: * Giáo viên vẽ sơ đồ chưa hoàn thiện trên	c. Hoạt động tiêu dùng - Khái niệm: Là hoạt động con người sử dụng các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ để thỏa mãn nhu cầu sản xuất và sinh hoạt. - Có tiêu dùng cho sinh hoạt và tiêu dùng cho sản xuất/kinh doanh. - Vai trò: - Tiêu dùng là mục đích của sản xuất; sản xuất cuối cùng nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội. - Tiêu dùng giống như “đơn đặt hàng” của xã hội đối với sản xuất. - Tiêu dùng là căn cứ quan trọng để xác định số lượng, cơ cấu, chất lượng, hình thức sản phẩm. - Tiêu dùng tác động đến sản xuất: sản phẩm tiêu thụ được thì sản xuất mở rộng; sản phẩm khó tiêu thụ thì sản xuất suy giảm.

bảng: Sản xuất → ... → Tiêu dùng → phản hồi về nhu cầu → Sản xuất.

- Học sinh làm việc theo nhóm đôi hoặc theo nhóm bàn; đọc phần Tổng kết mối quan hệ SGK trang 10 và điền vai trò còn thiếu.

* Mỗi bàn cử 1 học sinh ghi vào phiếu nhỏ: sản xuất giữ vai trò gì?, tiêu dùng giữ vai trò gì? phân phối - trao đổi giữ vai trò gì?

- Liên hệ, củng cố nội dung AI đã học ở Tiết 2: Giáo viên nêu tình huống: nền tảng mua sắm dùng thuật toán gợi ý liên tục sản phẩm “đang hot”, làm người tiêu dùng mua nhiều hơn nhu cầu thật.

* Học sinh phân tích: thuật toán có thể tác động đến tiêu dùng như thế nào; người dùng cần làm gì để giữ quyền tự quyết, bảo vệ dữ liệu cá nhân và tiêu dùng bền vững?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:

+ Học sinh đọc SGK, điền sơ đồ. Vai trò, thuật toán AI.

- Giáo viên hỗ trợ bằng câu hỏi dẫn: “Nếu sản xuất là gốc, điều gì xảy ra khi sản xuất đình trệ?”

“Nếu trao đổi bị tắc nghẽn, hàng hóa có đến được người tiêu dùng không?”

“Nếu nhu cầu tiêu dùng thay đổi, doanh nghiệp có cần đổi sản phẩm không?”

➔ Khi sản xuất đình trệ sẽ làm cho:

- Các khâu phân phối, trao đổi và tiêu dùng bị tê liệt, thất nghiệp tăng và suy thoái kinh tế.

➔ Khi trao đổi bị tắc nghẽn:

Hàng hóa ứ đọng, hư hỏng tại nơi sản xuất.

Khan hiếm và đắt đỏ đối với người tiêu dùng.

➔ Khi nhu cầu tiêu dùng thay đổi:

Tiêu dùng định hướng sản xuất, doanh nghiệp phải liên tục đổi mới để đáp ứng thị trường, nếu thua lỗ và phá sản.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận:

+ Giáo viên mời đại diện 3 bàn lần lượt trình bày

- Vai trò.

- Trả lời về thuật toán AI sản phẩm “đang hot”,

1. Thuật toán tác động đến nhu cầu

- Tạo nhu cầu ảo

- Tạo cảm giác (Đang hot, Flash Sale) sợ lỡ cơ hội.

- Hiện thị lượt mua, kích thích tâm lý muốn bắt kịp xu hướng.

2. Cách tiêu dùng tự chủ

- Bỏ vào giỏ hàng nhưng chờ thời gian mới quyết định mua

- Tắt thông báo ứng dụng app. - Hủy theo dõi các trang/nhóm kích thích ham muốn mua sắm. - Lên sẵn danh sách những gì thực sự cần mua xong 3. Bảo vệ dữ liệu cá nhân - Không cấp các quyền cho ứng dụng mua sắm (vị trí, micro, danh bạ). - Không lưu sẵn thông tin thanh toán Bước 4. Kết luận, nhận định: Giáo viên hoàn thiện sơ đồ trên bảng, yêu cầu học sinh ghi vào vở. Giáo viên nhấn mạnh mỗi hoạt động có vai trò riêng nhưng không tồn tại biệt lập; một khâu lệch chuẩn có thể ảnh hưởng toàn bộ chu trình kinh tế. Bài học: - Tham gia hoạt động kinh tế phù hợp lứa tuổi: tiêu dùng thông minh, tiết kiệm, xanh; biết tìm hiểu thông tin trước khi mua; tôn trọng pháp luật và đạo đức. - Không để quảng cáo, xu hướng, thuật toán gợi ý thao túng nhu cầu; biết bảo vệ dữ liệu cá nhân khi tham gia môi trường số.	
---	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP - Củng cố toàn bài (12 phút)

a) Mục tiêu hoạt động:

Củng cố toàn bộ kiến thức bài 1

Rèn kỹ năng vận dụng kiến thức giải quyết các bài tập SGK và tình huống thực tế; đánh giá mức độ đạt yêu cầu cần đạt của học sinh.

b) Nội dung hoạt động:

- Học sinh làm bài tập SGK về tiêu dùng nhựa, tình huống bố mẹ N mở quán trò chơi điện tử trực tuyến gần cổng trường, lấy ví dụ chứng minh vai trò của phân phối và tiêu dùng.

- Hoàn thành 10 câu trắc nghiệm tổng hợp.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời bài tập SGK; ví dụ chứng minh vai trò của hoạt động kinh tế; bảng đáp án trắc nghiệm tổng hợp.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên chia nhiệm vụ theo 3 phần nhưng học sinh làm tại chỗ, không chia cột:

Phần A - Bài tập SGK:

(1) Tiêu dùng nhựa ảnh hưởng gì đến đời sống xã hội và biện pháp khắc phục.

(2) Nếu là N, em sẽ nói gì với bố mẹ về ý định mở quán trò chơi điện tử trực tuyến gần cổng trường.

(3) Lấy ví dụ chứng minh hai nhận định:

+ Phân phối tạo động lực lao động

+ Tiêu dùng là căn cứ để doanh nghiệp xác định chất lượng, hình thức sản phẩm.

Phần B - Trắc nghiệm tổng hợp 10 câu.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:

Học sinh làm cá nhân 6 phút.

Giáo viên hướng dẫn học sinh trình bày ngắn gọn: Nêu vấn đề → Giải thích tác động → Đề xuất giải pháp.

Với tình huống N, giáo viên nhắc học sinh thể hiện thái độ lễ phép, có căn cứ: gần cổng trường dễ thu hút học sinh chơi quá mức, ảnh hưởng học tập, cần tuân thủ quy định pháp luật và trách nhiệm

xã hội.

Bước 3. Báo cáo kết quả, thảo luận:

Giáo viên mời 4 học sinh báo cáo lần lượt 4 nội dung.

Học sinh khác nhận xét, bổ sung.

Giáo viên chất vấn thêm:

“Tại sao tiêu dùng túi nilon không chỉ là lựa chọn cá nhân mà còn ảnh hưởng đến xã hội?”

→ Việc dùng túi nilon tuy tiện lợi cho cá nhân nhưng lại tàn phá môi trường, đe dọa sức khỏe cộng đồng và tạo gánh nặng kinh tế cho toàn xã hội.

“Vì sao một doanh nghiệp muốn bán được hàng phải quan sát xu hướng tiêu dùng?”

→ Tiêu dùng đóng vai trò định hướng sản xuất, quyết định trực tiếp đến khả năng tiêu thụ hàng hóa và sự sống còn của doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp buộc phải bám sát xu hướng tiêu dùng để đáp ứng đúng nhu cầu thị trường, duy trì sức cạnh tranh và tránh nguy cơ phá sản.

Bước 4. Kết luận, nhận định:

Giáo viên nhận xét và chốt

1. Vấn đề tiêu dùng nhựa

Gây ô nhiễm môi trường, đe dọa trực tiếp sức khỏe, tốn kém chi phí xử lý.

Hạn chế đồ nhựa dùng một lần, tăng cường phân loại - tái chế và ưu tiên vật liệu thân thiện (túi vải, hộp giấy, ống hút tre...).

2. Việc mở quán game gần trường học

Khuyến bố mẹ không nên mở vì 2 lý do:

- Quy định bắt buộc quán game phải cách cổng trường học tối thiểu 200m.

- Gây ảnh hưởng xấu đến học sinh, không thể kinh doanh bền vững.

3. Ví dụ minh họa các nhận định

- Chính sách trả lương và thưởng theo năng suất sẽ kích thích công nhân làm việc hăng say, tự nguyện tăng ca.

- Khi khách hàng có xu hướng chuộng lối sống "xanh", các hãng sữa lập tức thay đổi: sản xuất sữa hạt, sữa hữu cơ và dùng bao bì giấy.

→ Để nền kinh tế phát triển bền vững, mọi hoạt động của các chủ thể (sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng) đều phải gắn chặt với 3 nền tảng: Tuân thủ pháp luật, bảo vệ môi trường và đảm bảo lợi ích cộng đồng.

Giáo viên nhận xét mức độ hiểu bài và giao nhiệm vụ vận dụng.

Phần B. Trắc nghiệm tổng hợp toàn bài (đáp án đúng được gạch chân):

Mức độ đánh giá: Câu 1-3: Nhận biết; Câu 4-6: Thông hiểu; Câu 7-10: Vận dụng, vận dụng tình huống.

Câu 1. Sau khi hoàn thành và xuất bán một lô hàng lớn, công ty X đã quyết định trích một phần doanh thu để trả tiền lương tháng và thưởng hiệu quả công việc cho người lao động. Quyết định của công ty X phản ánh việc thực hiện hoạt động kinh tế nào sau đây?

A. Hoạt động phân bổ các yếu tố đầu vào.

B. Hoạt động trao đổi hàng hoá dịch vụ.

C. Hoạt động phân phối cho tiêu dùng.

D. Hoạt động tiêu dùng sản phẩm thiết yếu.

Đáp án đúng: C. Hoạt động phân phối cho tiêu dùng.

Giải thích: Phân phối cho tiêu dùng là việc phân chia của cải, dịch vụ (ở đây là doanh thu/lợi nhuận) cho các chủ thể có liên quan sau quá trình sản xuất, cụ thể là trả tiền lương và tiền thưởng cho người lao động.

Yêu cầu cần đạt: Nêu được các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội.

Năng lực: NL III (Tìm hiểu hiện tượng kinh tế - xã hội).

Câu 2. Theo báo cáo thường niên của công ty Y, kể từ khi áp dụng chính sách tăng 15% quỹ lương và chia sẻ trực tiếp 5% lợi nhuận cuối năm cho toàn bộ công nhân viên, năng suất lao động của toàn nhà máy đã tăng lên rõ rệt. Dữ liệu thực tiễn này thể hiện vai trò tích cực của hoạt động nào sau đây?

A. Trao đổi hàng hóa trên nền tảng số.

B. Vai trò của hoạt động phân phối đối với sản xuất.

C. Vai trò của hoạt động tiêu dùng các dịch vụ công.

D. Vai trò của việc phân bổ nguyên vật liệu đầu vào.

Đáp án đúng: B. Vai trò của hoạt động phân phối đối với sản xuất.

Giải thích: Việc chia sẻ thành quả sản xuất (tăng lương, chia lợi nhuận) thuộc khâu phân phối. Tỷ lệ phân phối hợp lý đã trực tiếp tạo động lực kích thích người lao động làm việc hăng say, từ đó thúc đẩy năng suất sản xuất tăng cao.

Yêu cầu cần đạt: Nêu được vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội.

Năng lực: NL III (Tìm hiểu hiện tượng kinh tế - xã hội).

Câu 3. Tình huống: Để kịp tiến độ giao hàng cho đối tác vào cuối tháng, Giám đốc nhà máy may mặc Z đã tiến hành điều chuyển thêm 50 công nhân từ xưởng đóng gói sang bộ phận cắt may, đồng thời cấp thêm ngân sách để mua thêm vải cuộn. Quyết định điều hành của Giám đốc phản ánh việc thực hiện hoạt động kinh tế nào sau đây?

A. Hoạt động phân phối cho quá trình sản xuất.

B. Hoạt động phân phối thành quả cho tiêu dùng.

C. Hoạt động trao đổi hàng hoá trên thị trường.

D. Hoạt động tiêu dùng các sản phẩm thiết yếu.

Đáp án đúng: A. Hoạt động phân phối cho quá trình sản xuất.

Giải thích: Việc phân chia, sắp xếp lại các yếu tố sản xuất (điều chuyển nhân công, cấp thêm vốn mua nguyên vật liệu) cho các bộ phận khác nhau để tạo ra sản phẩm chính là biểu hiện của hoạt động phân phối cho sản xuất.

Yêu cầu cần đạt: Tìm tòi, học hỏi và tham gia vào các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi.

Năng lực: NL III (Tìm hiểu hiện tượng kinh tế - xã hội).

Câu 4. Trong nền kinh tế thị trường, hoạt động giúp người sản xuất bán được hàng hóa để thu hồi vốn, đồng thời giúp người tiêu dùng mua được những sản phẩm đáp ứng đúng nhu cầu sinh hoạt phản ánh bản chất của khái niệm nào sau đây?

A. Hoạt động phân phối kết quả sản xuất.

B. Hoạt động trao đổi trên thị trường.

C. Hoạt động tiêu dùng sản phẩm cuối cùng.

D. Hoạt động phân bổ yếu tố đầu vào.

Đáp án đúng: B. Hoạt động trao đổi trên thị trường.

Giải thích: Hoạt động trao đổi đóng vai trò là cầu nối quan trọng giữa sản xuất và tiêu dùng. Nó giúp người sản xuất bán được hàng (duy trì sản xuất) và người tiêu dùng mua được thứ mình cần thông qua quá trình mua bán.

Yêu cầu cần đạt: Nêu được các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội: sản xuất, phân phối - trao đổi, tiêu dùng

Năng lực: NL III (Tìm hiểu hiện tượng kinh tế - xã hội).

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG TOÀN BÀI - THIẾT KẾ SẢN PHẨM TRUYỀN THÔNG “TIÊU DÙNG XANH” (4 phút giao nhiệm vụ)

a) Mục tiêu hoạt động:

Học sinh vận dụng tổng hợp kiến thức toàn bài vào thực tiễn; tuyên truyền hành vi tiêu dùng xanh, tiết kiệm, có trách nhiệm; phát triển năng lực số 3.1.NC1a và năng lực AI NLc một cách có kiểm chứng.

b) Nội dung hoạt động:

- Học sinh cá nhân hoặc cặp đôi thiết kế một sản phẩm truyền thông cổ động cho hoạt động “tiêu dùng xanh”: poster giấy, infographic số, slide 1 trang, video ngắn 30-60 giây hoặc khẩu hiệu kèm thông điệp. Sản phẩm phải nêu rõ nội dung và ý nghĩa.

c) Sản phẩm học tập:

- Sản phẩm truyền thông “Tiêu dùng xanh” và đoạn thuyết minh 5-7 câu: thông điệp chính, hành vi khuyến khích, lợi ích đối với bản thân/gia đình/xã hội, cách em kiểm chứng thông tin nếu có dùng công cụ số/AI.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

Giáo viên nêu yêu cầu: sản phẩm cần ít chữ, rõ thông điệp, có ít nhất 3 hành vi tiêu dùng xanh cụ thể như mang bình nước cá nhân, hạn chế túi nilon, chọn sản phẩm có nguồn gốc rõ ràng, tiết kiệm điện/nước, không mua sản phẩm gây hại sức khỏe.

- Tích hợp NLS 3.1.NC1a: học sinh áp dụng công cụ số để tạo/chỉnh sửa poster, infographic, video bằng công cụ số nếu có điều kiện.

- Tích hợp AI NLc: học sinh có thể dùng AI gợi ý khẩu hiệu hoặc bố cục, nhưng phải chỉnh sửa, kiểm chứng và ghi chú “AI hỗ trợ ý tưởng; nội dung do học sinh hoàn thiện”.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:

Học sinh thực hiện ngoài giờ. Giáo viên đưa tiêu chí đánh giá ngay khi giao nhiệm vụ để học sinh biết cách làm.

Với học sinh không có thiết bị, sản phẩm vẽ tay trên giấy A4/A3 vẫn được đánh giá như sản phẩm số. Giáo viên nhắc học sinh không dùng hình ảnh có bản quyền khi chưa được phép, không đưa dữ liệu cá nhân lên công cụ AI.

Bước 3. Báo cáo kết quả, thảo luận:

- Ở tiết học sau hoặc buổi trưng bày sản phẩm, giáo viên chọn một số sản phẩm tiêu biểu để học sinh trình bày 1 phút/sản phẩm.

- Học sinh khác nhận xét theo 3 câu hỏi: thông điệp có đúng bài học không, hành vi đề xuất có thực hiện được không, sản phẩm có thuyết phục người xem không.

Bước 4. Kết luận, nhận định:

- Giáo viên đánh giá theo rubric, khuyến khích sản phẩm có thông điệp cụ thể, gần gũi học sinh, thể hiện trách nhiệm với môi trường và xã hội.

- Giáo viên chốt bài: tham gia hoạt động kinh tế không chỉ là mua bán, mà còn là lựa chọn có trách nhiệm, tôn trọng pháp luật, đạo đức, sức khỏe và môi trường.

IV. PHỤ LỤC HỌC LIỆU VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Phiếu học tập 1 - Nhận diện hoạt động kinh tế và hoạt động sản xuất

Họ tên học sinh: Lớp:

Bảng điền nhanh

Nội dung	Câu trả lời của em	Ví dụ minh họa
Hoạt động kinh tế là gì?		
Các hoạt động kinh tế cơ bản gồm những hoạt động nào?		
Hoạt động sản xuất là gì?		
Vì sao sản xuất giữ vai trò quyết định?		
Một biểu hiện sản xuất xanh/an toàn ở địa phương		

2. Phiếu học tập 2 - Công ty X, chợ phiên Si Ma Cai và bán hàng trực tuyến

Phần A. Phân phối trong Công ty X

Câu hỏi	Nội dung trả lời
Công ty X đã phân chia yếu tố sản xuất nào?	
Công ty X đã phân chia kết quả sản xuất như thế nào?	

Phân phối hợp lí mang lại lợi ích gì?	
Nếu phân phối không hợp lí thì sản xuất bị ảnh hưởng thế nào?	

Phần B. Trao đổi ở chợ phiên và trực tuyến

Câu hỏi	Nội dung trả lời
Người dân đến chợ phiên để làm gì?	
Trao đổi có vai trò gì với người sản xuất và người tiêu dùng?	
Bán hàng trực tuyến thuộc hoạt động kinh tế nào?	
Nêu 2 tác động tích cực và 2 tác động tiêu cực của bán hàng trực tuyến.	
Nêu 3 tiêu chí kiểm tra độ tin cậy khi mua hàng trực tuyến.	

3. Phiếu học tập 3 - Tiêu dùng và mối quan hệ các hoạt động kinh tế

Bảng phân tích

Nội dung	Câu trả lời
Gia đình dùng gạo để làm gì? Đây là tiêu dùng cho nhu cầu nào?	
Quán cơm dùng gạo để làm gì? Mục đích khác gia đình ở điểm nào?	
Tiêu dùng là gì?	
Vì sao tiêu dùng là mục đích và động lực của sản xuất?	
Điền mối quan hệ: Sản xuất → → Tiêu dùng → → Sản xuất	

4. Rubric đánh giá sản phẩm truyền thông “Tiêu dùng xanh”

Bảng tiêu chí đánh giá

Tiêu chí	Mức đạt tốt (3 điểm)	Mức đạt (2 điểm)	Cần cố gắng (1 điểm)
Đúng nội dung bài học	Nêu rõ tiêu dùng xanh, tiêu dùng tiết kiệm, có trách nhiệm; liên hệ đúng vai trò tiêu dùng.	Nêu được tiêu dùng xanh nhưng liên hệ vai trò còn khái quát.	Thông điệp chung chung, chưa bám nội dung bài.
Tính cụ thể của hành vi	Có ít nhất 3 hành vi cụ thể, phù hợp học sinh và gia đình.	Có 2 hành vi cụ thể, còn thiếu ví dụ.	Hành vi đề xuất khó thực hiện hoặc chưa rõ.
Tính thuyết phục/sáng tạo	Bố cục rõ, ít chữ, hình ảnh/khẩu hiệu hấp dẫn, dễ nhớ.	Bố cục tương đối rõ, thông điệp hiệu được.	Bố cục rối, chữ quá nhiều hoặc thông điệp chưa nổi bật.
Sử dụng công cụ số/AI có trách nhiệm	Nếu dùng công cụ số/AI: có kiểm chứng, chỉnh sửa, không sao chép máy móc, không lộ dữ liệu cá nhân.	Có dùng công cụ hỗ trợ nhưng phần kiểm chứng/chỉnh sửa còn sơ lược.	Sao chép nhiều, không nêu cách kiểm chứng hoặc dùng dữ liệu chưa phù hợp.
Thuyết minh sản phẩm	Thuyết minh 5-7 câu rõ ý nghĩa, lợi ích với bản thân/gia đình/xã hội.	Thuyết minh đủ ý chính nhưng diễn đạt còn chung.	Thuyết minh thiếu ý hoặc chưa giải thích được ý nghĩa.

CHỦ ĐỀ 1: NỀN KINH TẾ VÀ CÁC CHỦ THỂ CỦA NỀN KINH TẾ

BÀI 2. CÁC CHỦ THỂ CỦA NỀN KINH TẾ (3 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nêu được khái niệm, vai trò và trách nhiệm của các chủ thể tham gia trong nền kinh tế: chủ thể sản xuất, chủ thể tiêu dùng, các chủ thể trung gian, chủ thể nhà nước.

2. Về năng lực:

- *Năng lực điều chỉnh hành vi*: Nhận biết và đánh giá được hành vi kinh doanh, tiêu dùng của bản thân và người khác theo chuẩn mực đạo đức và pháp luật.

- *Năng lực phát triển bản thân*: Tự lập kế hoạch chi tiêu, tiêu dùng thông thái và thân thiện với môi trường.

- *Năng lực tìm hiểu và tham gia HĐ KT-XH*: Giải thích được mối quan hệ giữa các chủ thể; tham gia giải quyết các vấn đề thực tiễn (nói không với hàng giả, hàng lậu, thuốc lá điện tử).

3. Về phẩm chất:

- *Trách nhiệm*: Tuân thủ pháp luật về thuế, bảo vệ môi trường, thực hiện trách nhiệm xã hội.

- *Trung thực*: Lên án các biểu hiện gian lận thương mại, trốn thuế.

4. Nội dung tích hợp:

- *Phòng, chống tham nhũng (PCTN)*: Trách nhiệm nộp thuế, tính minh bạch trong chi ngân sách nhà nước.

- *Phòng, chống tác hại của thuốc lá (PCTHTL)*: Lựa chọn tiêu dùng an toàn, kiên quyết tẩy chay thuốc lá điện tử.

- *Năng lực số (NLS) & AI*: Tích hợp các mã [1.1.NC1b], [1.2.NC1a], [3.1.NC1a]; [Mã AI NLc], [Mã AI NLa].

II. THIẾT BỊ GIÁO DỤC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị**: Máy tính, máy chiếu, bảng tương tác, giấy A0, bút lông, nam châm.

2. **Học liệu**: SGK, SGV Giáo dục kinh tế và pháp luật 10 (Kết nối tri thức); Phiếu học tập cá nhân/nhóm; mã QR truy xuất thông tin; hình ảnh/tình huống thực tiễn.

TIẾT 1.

CHỦ THỂ SẢN XUẤT

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) Mục tiêu hoạt động:

- Giúp học sinh nhận diện được các hoạt động tạo ra sản phẩm, dịch vụ trong đời sống; bước đầu làm quen với khái niệm *chủ thể kinh tế* (những người tham gia vào các hoạt động kinh tế).

Từ đó, xác định được vấn đề cốt lõi cần tìm hiểu của bài học là chủ thể sản xuất – lực lượng trực tiếp tạo ra của cải vật chất và dịch vụ.

- *Mã chỉ báo*: [Mã NLS 1.1.NC1b] (Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số).

b) Nội dung hoạt động:

- Học sinh quan sát hình ảnh các hoạt động kinh tế (nông dân thu hoạch lúa, công nhân may mặc, kỹ sư lập trình) kết hợp với việc tra cứu thông tin số.

- Suy nghĩ, thảo luận và trình bày ý kiến trả lời các câu hỏi: Tên công việc là gì? Mục đích của công việc đó? Họ thuộc nhóm người tham gia hoạt động kinh tế nào?

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của học sinh, trong đó nêu được:

+ Các hình ảnh thể hiện những người trực tiếp tạo ra của cải vật chất, dịch vụ (lúa gạo, quần áo, phần mềm) phục vụ nhu cầu xã hội.

+ Nhận diện họ là những người tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh tế.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

- Giáo viên sử dụng kỹ thuật "Tia chớp" kết hợp trực quan, trình chiếu 3 hình ảnh (vườn lúa,

- xưởng may, công ty phần mềm) lên màn hình.
- Giáo viên giao nhiệm vụ: *Quan sát các hình ảnh và trả lời nhanh:*
 - + *Tên công việc của những người trong ảnh là gì?*
 - + *Mục đích của những công việc đó?*
 - + *Họ là những người tham gia hoạt động kinh tế (chủ thể kinh tế) nhằm mục đích gì?"*
 - *Tích hợp năng lực số:* (Thực hiện 1 trong 2 phương án)
- Phương án 1 (Có thiết bị):** Học sinh sử dụng điện thoại tra cứu nhanh tên một công ty phần mềm/công nghệ tại Việt Nam và sản phẩm của họ [Mã NLS 1.1.NC1b].
- Phương án 2 (Không có thiết bị):** Học sinh huy động vốn hiểu biết cá nhân để kể tên một công ty phần mềm/công nghệ tại Việt Nam.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:

- Học sinh quan sát hình ảnh, suy nghĩ độc lập, tiến hành tra cứu thông tin (với Phương án 1).

Giáo viên quan sát tổng quát, khích lệ tinh thần và hỗ trợ học sinh.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận:

- Giáo viên gọi ngẫu nhiên một số học sinh trình bày ý kiến.

Học sinh khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4. Kết luận, nhận định:

- Giáo viên nhận xét, bổ sung và chốt kiến thức: Trong nền kinh tế, có rất nhiều người tham gia vào các hoạt động khác nhau, được gọi là chủ thể của nền kinh tế (bao gồm: chủ thể sản xuất, chủ thể tiêu dùng, chủ thể trung gian và Nhà nước).

Nông dân, công nhân hay kỹ sư phần mềm trong các hình ảnh đều là những người tham gia vào lĩnh vực tạo ra của cải, dịch vụ. gọi chung là chủ thể sản xuất.

Giáo viên nhấn mạnh: *Chủ thể sản xuất là lực lượng nòng cốt, không chỉ làm tốt việc tạo ra sản phẩm đáp ứng nhu cầu hiện tại mà còn đóng góp cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế. Để hiểu rõ hơn, chúng ta cùng vào bài học hôm nay.*

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

- a) Mục tiêu hoạt động:**
- Giúp học sinh nêu được khái niệm và vai trò của chủ thể sản xuất;
 - Phân tích được trách nhiệm đạo đức, trách nhiệm xã hội và ý thức tuân thủ pháp luật của chủ thể sản xuất.
 - Mã chỉ báo AI: [Mã AI NLc] (Sử dụng công cụ AI tạo sinh hỗ trợ quá trình tìm hiểu kiến thức kinh tế).
- b) Nội dung hoạt động:**
- Học sinh đọc thông tin về trường hợp anh Q (SGK trang 12), làm việc cá nhân (sử dụng kỹ thuật Đọc tích cực) phân tích từ khóa.
 - Trả lời hệ thống câu hỏi chuyên sâu nhằm tự rút ra khái niệm, vai trò và trách nhiệm của chủ thể sản xuất.
- c) Sản phẩm học tập:**
- Khái niệm, vai trò, trách nhiệm của chủ thể sản xuất);
 - Học sinh lý giải được hành động của anh Q dưới góc độ đạo đức và pháp luật.
- d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: - Giáo viên sử dụng kỹ thuật đọc tích cực 4 bước. Giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh làm việc cá nhân trong thời gian 5 phút. - Giáo viên yêu cầu: Học sinh đọc thầm thông tin về trường hợp anh Q (SGK trang 12), dùng bút chì gạch chân các từ khóa chỉ hành động của anh Q và thực hiện các yêu cầu sau:	1. Chủ thể sản xuất a. Khái niệm: - Là những người đầu tư vốn, sản xuất, cung cấp hàng hoá, dịch vụ ra thị trường, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội. - Bao gồm các nhà đầu tư, người sản xuất, kinh doanh.

1. Anh Q đã làm những công việc gì để tạo ra sản phẩm? Mục đích kinh doanh của anh là gì?

2. Việc anh Q sử dụng nguyên liệu thân thiện với môi trường và nộp thuế đầy đủ cho nhà nước thể hiện trách nhiệm gì của người sản xuất?

Nếu trốn thuế, nền kinh tế sẽ bị ảnh hưởng như thế nào? (Tích hợp PCTN)".

- Tích hợp AI [Mã AI NLc] (Tùy chọn nếu có thiết bị): "*Học sinh dùng công cụ ChatGPT/Gemini nhập câu lệnh: 'Hãy tóm tắt 3 vai trò cốt lõi của người sản xuất trong nền kinh tế thị trường', sau đó đối chiếu với nội dung SGK.*"

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:

- Học sinh đọc và phân tích hành vi của nhân vật anh Q, tìm từ khóa (đầu tư, tạo sản phẩm, nộp thuế, bảo vệ môi trường...) và ghi chú câu trả lời ra giấy nháp.

- Giáo viên và hỗ trợ học sinh nhận diện đúng các biểu hiện trách nhiệm pháp luật và đạo đức.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận:

- Giáo viên mời ngẫu nhiên 3 học sinh lần lượt trình bày ý kiến cho từng câu hỏi.

- Học sinh khác tập trung lắng nghe, đối chiếu với kết quả cá nhân, sau đó trình bày ý kiến nhận xét, bổ sung.

Giáo viên khuyến khích học sinh phản biện về hậu quả của việc doanh nghiệp trốn thuế đối với ngân sách quốc gia.

Bước 4. Kết luận, nhận định:

- Giáo viên nhận xét tinh thần làm việc cá nhân, đánh giá cao kĩ năng đọc hiểu và lập luận của học sinh.

- Giáo viên bổ sung và chốt kiến thức:

Câu 1. Hoạt động và mục đích kinh doanh của anh Q

- Nghiên cứu thị trường, cải tiến kĩ thuật và sử dụng nguyên liệu thân thiện với môi trường để tạo ra sản phẩm chất lượng.

- Đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng, thu lợi nhuận hợp pháp và thực hiện trách nhiệm xã hội (tạo việc làm, đóng thuế, làm từ thiện).

Câu 2. Trách nhiệm của người sản xuất và hậu quả của việc trốn thuế

- Trách nhiệm của người SX: Thể hiện rõ qua đạo đức kinh doanh (bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng) và ý thức tuân thủ pháp luật (nộp thuế đầy đủ).

- Hậu quả của việc trốn thuế: Gây thất thu ngân sách làm ảnh hưởng đến đầu tư công và an sinh xã hội, phá vỡ sự cạnh tranh lành mạnh trên thị trường và làm gia tăng các tệ nạn tham nhũng, tiêu

b. Vai trò:

- Sử dụng các yếu tố sản xuất để sản xuất, kinh doanh và thu lợi nhuận.

- Thỏa mãn nhu cầu hiện tại của xã hội, đồng thời tạo ra và phục vụ cho những nhu cầu trong tương lai.

- Luôn phải đưa ra các quyết định lựa chọn: sản xuất hàng hoá nào, số lượng bao nhiêu, sản xuất bằng cách nào để đạt hiệu quả kinh tế cao nhất trong điều kiện nguồn lực có hạn.

c. Trách nhiệm:

- Cung cấp những hàng hóa về chất lượng, an toàn sản phẩm. Không làm tổn hại tới sức khỏe và lợi ích của con người trong xã hội và đóng góp tích cực cho cộng đồng.

- Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện trách nhiệm xã hội và tuân thủ pháp luật (đóng thuế đầy đủ...).

cực.

- Giáo viên nhấn mạnh: *Lợi nhuận là mục tiêu sống còn của doanh nghiệp, nhưng đạo đức kinh doanh và việc tuân thủ pháp luật (như nộp thuế minh bạch, bảo vệ môi trường) mới là yếu tố quyết định sự tồn tại bền vững của chủ thể sản xuất.*

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Phần A.

a) Mục tiêu hoạt động:

Giúp học sinh phân tích, đánh giá được hành vi của chủ thể sản xuất trong thực tiễn; vận dụng kiến thức để giải quyết tình huống vi phạm đạo đức kinh doanh và an toàn thực phẩm.

b) Nội dung hoạt động:

Học sinh thảo luận nhóm, xử lý tình huống để phân tích lỗi sai và sắm vai giải quyết tình huống kinh doanh hóa chất độc hại.

c) Sản phẩm học tập:

Kết quả thảo luận của nhóm về việc xác định lỗi vi phạm;

Kịch bản sắm vai thể hiện thái độ kiên quyết lên án hành vi gian lận thương mại.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

- Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm. Giáo viên sử dụng kỹ thuật xử lý tình huống kết hợp Đóng vai.

- Phiếu học tập có nội dung tình huống:

Để măng khô có màu đẹp và bán được giá cao dịp Tết, cơ sở sản xuất măng của ông X định xông măng bằng lưu huỳnh (hóa chất công nghiệp bị cấm). Ông X nói với con: Ai kinh doanh cũng làm vậy mới đắt hàng. Khách mua ăn chứ nhà mình có ăn đâu mà sợ!

- Các nhóm thảo luận trong 5 phút và thực hiện các yêu cầu sau:

1. Lập luận của ông X phản ánh việc chưa tuân thủ các nguyên tắc nào của đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của chủ thể sản xuất?

- Hậu quả của hành vi này đối với xã hội là gì?

2. Sắm vai: Nhóm cử đại diện đóng vai người con, sử dụng kiến thức pháp luật và đạo đức kinh doanh vừa học để phân tích và thuyết phục ông X từ bỏ ý định.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:

- Học sinh phân tích tình huống, ghi chép các từ khóa về đạo đức, pháp luật;

- Tiến hành phân vai và tập dượt lời thoại trong nhóm.

- Giáo viên hỗ trợ hướng dẫn cho các nhóm cách sử dụng các thuật ngữ: "trách nhiệm xã hội", "tồn hại sức khỏe", "tuân thủ pháp luật" để kịch bản sắm vai.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận:

- Giáo viên mời đại diện 2 nhóm lên bảng thực hiện sắm vai xử lý tình huống.

- Học sinh các nhóm còn lại theo dõi, lần lượt trình bày ý kiến nhận xét về cách xử lý của nhóm bạn, đặt câu hỏi phản biện về tính thực tế của các giải pháp đưa ra.

Bước 4. Kết luận, nhận định:

- Giáo viên nhận xét kỹ năng làm việc nhóm, khả năng lập luận và thái độ nghiêm túc của học sinh.

- Giáo viên đánh giá và chốt đáp án đúng:

Phân tích lập luận của ông X:

+ Vi phạm nghiêm trọng đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội khi đặt lợi nhuận lên trên sức khỏe người tiêu dùng.

+ Hành vi dùng hóa chất công nghiệp bị cấm là biểu hiện vi phạm pháp luật về an toàn sản phẩm.

Hậu quả đối với xã hội:

-Đe dọa trực tiếp đến sức khỏe và tính mạng của người tiêu dùng.

-Làm ảnh hưởng niềm tin xã hội và gây bất an trong cộng đồng.

- Gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng môi trường cạnh tranh lành mạnh.

- Giáo viên nhấn mạnh:

+ Chủ thể sản xuất là những người đầu tư vốn, tổ chức sản xuất, cung cấp hàng hóa và dịch vụ ra thị trường nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội.

+ Chủ thể sản xuất phải thực hiện các yêu cầu: *sản xuất hàng hoá nào, số lượng bao nhiêu, sản xuất bằng cách nào* để đạt hiệu quả, lợi nhuận cao.

+ Chủ thể sản xuất có trách nhiệm tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật, đảm bảo chất lượng và an toàn sản phẩm, bảo vệ môi trường, đồng thời thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng thuế cho ngân sách Nhà nước (tích hợp PCTN).

Phần B. Câu hỏi trắc nghiệm: Chủ thể sản xuất

a) Mục tiêu:

Học sinh nhận biết được khái niệm, vai trò, trách nhiệm của chủ thể sản xuất; hiểu được vì sao chủ thể sản xuất phải lựa chọn cách sản xuất hiệu quả và tuân thủ pháp luật.

b) Nội dung:

Học sinh trả lời 06 câu hỏi trắc nghiệm mức độ **biết – hiểu** về chủ thể sản xuất.

c) Sản phẩm:

Phiếu trả lời 06 câu hỏi trắc nghiệm của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên phát phiếu hoặc trình chiếu câu hỏi

Câu 1. Chủ thể sản xuất là những người

A. chỉ thực hiện việc tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ.

B. đầu tư vốn, sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ ra thị trường.

C. chỉ kiểm tra chất lượng hàng hóa trên thị trường.

D. ban hành chính sách quản lý hoạt động kinh tế.

Câu 2. Chủ thể sản xuất bao gồm

A. nhà đầu tư, người sản xuất, kinh doanh.

B. người tiêu dùng và người sử dụng dịch vụ.

C. cơ quan xét xử và cơ quan kiểm sát.

D. học sinh, sinh viên và người học nghề.

Câu 3. Một vai trò của chủ thể sản xuất là

A. loại bỏ hoàn toàn nhu cầu tiêu dùng của xã hội.

B. sử dụng yếu tố sản xuất để kinh doanh và thu lợi nhuận.

C. chỉ mua hàng hóa phục vụ đời sống cá nhân.

D. không cần quan tâm đến hiệu quả kinh tế.

Câu 4. Vì sao chủ thể sản xuất phải lựa chọn sản xuất hàng hóa nào, số lượng bao nhiêu và sản xuất bằng cách nào?

A. Vì nguồn lực luôn vô hạn nên có thể sản xuất tùy ý.

B. Vì chỉ cần sản xuất nhiều là chắc chắn có lợi nhuận.

C. Vì cần đạt hiệu quả kinh tế cao nhất trong điều kiện nguồn lực có hạn.

D. Vì chủ thể sản xuất không cần căn cứ vào nhu cầu thị trường.

Câu 5. Hành vi nào sau đây thể hiện đúng trách nhiệm của chủ thể sản xuất?

A. Sản xuất hàng kém chất lượng để giảm chi phí.

B. Xả chất thải chưa xử lý ra môi trường xung quanh.

C. Trốn thuế để tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

D. Cung cấp hàng hóa an toàn, bảo vệ môi trường và đóng thuế đầy đủ.

Câu 6. Một cơ sở sản xuất thay đổi công nghệ để tạo ra sản phẩm an toàn hơn, ít gây ô nhiễm hơn. Việc làm này thể hiện chủ thể sản xuất đã

A. thực hiện trách nhiệm với sức khỏe con người và môi trường.

B. chỉ quan tâm đến lợi nhuận mà không cần trách nhiệm xã hội.

C. làm trái vai trò của chủ thể sản xuất trong nền kinh tế.

D. không cần tuân thủ pháp luật trong hoạt động sản xuất.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh làm bài cá nhân trong 5 phút.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: Học sinh nêu đáp án, giải thích ngắn gọn.

Bước 4. Kết luận, nhận định: Giáo viên chốt đáp án, nhấn mạnh vai trò và trách nhiệm xã hội của chủ thể sản xuất.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu hoạt động: Giúp học sinh thiết kế được thông điệp lan tỏa lối kinh doanh liêm chính, an toàn đến cộng đồng.

Mã chỉ báo: [Mã NLS 3.1.NC1a] (Áp dụng được các cách tạo và chỉnh sửa nội dung số ở các định dạng khác nhau).

b) Nội dung hoạt động: Học sinh thiết kế một Poster truyền thông cổ vũ cho các chủ thể sản xuất sạch tại địa phương.

c) Sản phẩm học tập: Poster dạng kỹ thuật số (hoặc vẽ tay) có nội dung và thông điệp rõ ràng, nộp vào đầu tiết học sau.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

+ Giáo viên giao nhiệm vụ cho cá nhân thực hiện tại nhà: *Học sinh hãy chọn một cơ sở sản xuất nông sản/đặc sản sạch tại địa phương em. Thiết kế 1 Poster quảng bá cho cơ sở đó với tiêu chí làm nổi bật 'Trách nhiệm với sức khỏe người tiêu dùng'.*

Tích hợp Năng lực số [Mã NLS 3.1.NC1a]: Học sinh sử dụng phần mềm Canva (hoặc ứng dụng tương tự) để thiết kế Poster.

(Phương án: Học sinh không có thiết bị có thể vẽ tay trên giấy A4).

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh chủ động thực hiện tìm kiếm thông tin về cơ sở sản xuất tại địa phương và ứng dụng công nghệ để thiết kế sản phẩm ngoài giờ học.

Giáo viên hỗ trợ kỹ thuật trực tuyến (nếu học sinh có nhu cầu).

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: Học sinh nộp sản phẩm bản mềm (qua nhóm Zalo/Padlet của lớp) hoặc nộp bản cứng vào đầu tiết học tiếp theo.

Bước 4. Kết luận, nhận định: Giáo viên sẽ tiến hành đánh giá, nhận xét, tuyên dương các sản phẩm sáng tạo và sử dụng để trưng bày tại góc học tập của lớp.

TIẾT 2: CHỦ THỂ TIÊU DÙNG VÀ CÁC CHỦ THỂ TRUNG GIAN

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) Mục tiêu hoạt động: Kích hoạt tư duy, tạo mâu thuẫn nhận thức nhẹ để thu hút sự chú ý của học sinh.

Tạo tâm thế hứng thú, kết nối tự nhiên vào nội dung bài học mới.

b) Nội dung hoạt động: Giáo viên sử dụng phương pháp nêu vấn đề thông qua một tình huống kinh tế mang tính nghịch lý.

Học sinh làm việc cá nhân, vận dụng phân tích hậu quả trong tình huống, từ đó rút ra quy luật về mối quan hệ giữa sản phẩm và người tiêu dùng.

c) Sản phẩm học tập:

Câu trả lời phân tích của học sinh. Yêu cầu nêu được các ý cơ bản:

+ Hậu quả: Doanh nghiệp sẽ không bán được hàng, chịu thua lỗ, thậm chí phá sản vì người dân vùng xích đạo không có nhu cầu mặc áo khoác lông.

+ Yếu tố quyết định: Khách hàng / Người tiêu dùng (người mua) chính là yếu tố quyết định sản phẩm đó có được tiếp tục sản xuất hay bị đào thải khỏi thị trường.

d) Tổ chức thực hiện chi tiết:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Giáo viên chiếu hình ảnh minh họa (nếu có) hoặc bằng giọng kể chuyện lôi cuốn, đưa ra tình huống:

"Các em hãy tưởng tượng, có một doanh nghiệp thời trang thiết kế ra một bộ sưu tập áo khoác lông mùa đông cực kỳ sang trọng, chất liệu vô cùng cao cấp và đắt tiền. Tuy nhiên, họ lại mang toàn bộ số hàng này đến bán tại một quốc gia nằm sát đường xích đạo - nơi quanh năm nắng nóng gay gắt."

GV đưa ra 2 câu hỏi:

1. Theo các em, hậu quả kinh tế nào chắc chắn sẽ xảy ra với doanh nghiệp này? Tại sao?

2. Từ câu chuyện trên, theo các em, yếu tố nào (hay ai) là người nắm quyền quyết định việc một

sản phẩm được tiếp tục sản xuất hay bị loại bỏ khỏi thị trường?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh làm việc cá nhân. Vận dụng kiến thức thực tế, suy nghĩ nhanh trong thời gian 1 phút để phác thảo câu trả lời trong đầu hoặc nháp nhanh ra giấy.

GV quan sát bao quát lớp học, khích lệ các em tập trung suy nghĩ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện 2 - 3 học sinh đứng tại chỗ trình bày trước lớp.

Các học sinh khác lắng nghe, nhận xét câu trả lời của bạn, bổ sung ý kiến.

GV đóng vai trò điều phối, ghi nhận nhanh các từ khóa HS phát biểu lên bảng

(ví dụ: *ế ẩm, lỗ vốn, người mua, khách hàng...*). Khích lệ sự tranh luận ngắn: *Có bạn nào đồng tình hay phản đối ý kiến của bạn không? Tóm lại, ai là người 'nuôi sống' doanh nghiệp?*

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét thái độ học tập, biểu dương tinh thần phát biểu sôi nổi của học sinh.

GV chốt:*Dù sản phẩm có cao cấp, đắt tiền và đẹp đến đâu, nhưng nếu đặt sai thị trường, không đáp ứng nhu cầu và bị người mua từ chối thì doanh nghiệp chắc chắn sẽ thất bại, sản phẩm bị đào thải. Qua tình huống này chúng ta thấy: Người mua (chính là chủ thể tiêu dùng) là người định hướng cho sản xuất, quyết định sự sinh tồn của sản phẩm.*

Dẫn vào bài mới:*Vậy trong nền kinh tế rộng lớn, ngoài việc mua hàng, họ còn mang những vai trò và trách nhiệm cụ thể nào đối với xã hội? Và làm thế nào để hàng hóa từ nhà máy sản xuất xa xôi có thể đến được tay người tiêu dùng một cách nhanh nhất? Chúng ta cùng đi tìm câu trả lời trong nội dung tiếp theo của bài học: **Tiết 2 - Chủ thể tiêu dùng và các chủ thể trung gian.***

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a) Mục tiêu hoạt động:

- Nêu được khái niệm, vai trò và trách nhiệm của chủ thể tiêu dùng.
- Nêu được khái niệm và vai trò của các chủ thể trung gian trong nền kinh tế.
- Tích hợp NLS [1.2.NC1a]: Học sinh biết vận dụng kỹ năng số để đánh giá độ tin cậy của thông tin quảng cáo trên mạng xã hội.
- Tích hợp PCTHTL: Hình thành tư duy phản biện, kiên quyết tẩy chay và nói KHÔNG với các sản phẩm độc hại như thuốc lá điện tử (Pod, Vape).

b) Nội dung hoạt động:

- Tổ chức lớp học theo kỹ thuật mảnh ghép/Chuyên gianhằm phát huy tối đa hiệu ứng "Học sinh làm người dạy". Học sinh đọc SGK, giải quyết tình huống thực tế, sau đó tự trao đổi và dạy lại kiến thức cho nhau.

c) Sản phẩm học tập:

- Phiếu học tập vòng chuyên gia: Kết quả phân tích tình huống, chốt từ khóa của Nhóm A và Nhóm B.
- Bản đồ kiến thức tổng hợp: Nội dung hoàn chỉnh về chủ thể tiêu dùng và chủ thể trung gian HS ghi chép vào vở.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ (Vòng chuyên gia) - GV sử dụng kỹ thuật mảnh ghép. Lớp chia thành 2 luồng nhóm chuyên gia (Nhóm A và Nhóm B). - Nhóm A (Nghiên cứu chủ thể tiêu dùng): Đọc SGK trang 14 và giải quyết tình huống thực tế: <i>Hiện nay, nhiều KOLs trên TikTok, Facebook quảng cáo thuốc lá điện tử (Pod) với lời lẽ: 'Vô hại, thơm miệng, giúp xả stress, chuẩn phong cách giới trẻ'.</i> - Năng lực số [1.2.NC1a], em hãy đánh giá độ tin cậy của	2. Chủ thể tiêu dùng a. Khái niệm: Là người mua và sử dụng hàng hóa, dịch vụ để thoả mãn nhu cầu sinh hoạt/sản xuất. b. Vai trò: - Định hướng, tạo động lực cho sản xuất phát triển. - Là "đơn đặt hàng" của xã

thông tin quảng cáo này. Từ đó xác định:

1. Những người bị tác động mua và sử dụng sản phẩm này được gọi là chủ thể gì? Khái niệm?
2. Sự lựa chọn mua hàng của họ có vai trò (tác động) thế nào đến người sản xuất?
3. Trách nhiệm của công dân khi tiêu dùng là gì để không tiếp tay cho cái xấu?

- Nhóm B (Nghiên cứu chủ thể trung gian):

Đọc SGK trang 14 và giải quyết tình huống thực tế:

"Vào vụ thu hoạch, hàng ngàn tấn cam ở miền Tây chín rộ. Nông dân không thể tự mang từng ký cam ra Hà Nội hay đưa vào các siêu thị lớn để bán cho người tiêu dùng."

Hãy xác định:

1. Những tổ chức, cá nhân nào sẽ đứng ra làm nhiệm vụ đưa cam từ vườn đến tay người mua? Họ được gọi là chủ thể gì? Khái niệm?
2. Vai trò của các chủ thể này đối với nền kinh tế là gì?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ. (Vòng chuyên gia - 5 phút)

- HS hoạt động: Làm việc theo nhóm chuyên gia.

+ **Nhóm A:** Dùng tư duy phản biện chỉ ra quảng cáo sai sự thật (chứa chất gây nghiện, vi phạm đạo đức/pháp luật).

Rút ra từ khóa: *Người mua, định hướng sản xuất, tiêu dùng thông minh.*

+ **Nhóm B:** Phân tích chuỗi cung ứng (Thương lái → Nhà phân phối → Siêu thị).

Rút ra từ khóa: *Cầu nối, ăn khớp cung - cầu, thông tin.*

- **GV:** Di chuyển, quan sát, tuyệt đối không làm thay. Gọi mở bằng câu hỏi: *"Làm sao em biết quảng cáo KOL đó là sai sự thật? Việc em quyết định không mua có làm doanh nghiệp đó phá sản không?"*

Bước 3. Báo cáo, thảo luận (Vòng mảnh ghép & khai thác sâu - 8 phút)

- Ghép nhóm & dạy lại: GV yêu cầu 1 HS nhóm A ghép với 1 HS nhóm B thành cặp đôi mảnh ghép.

+ **Phút 1-3:** HS A "dạy lại" cho HS B về chủ thể tiêu dùng và cách tẩy chay Pod.

+ **Phút 3-6:** HS B "dạy lại" cho HS A về chủ thể trung gian trong chuỗi cung ứng cam.

GV gọi ngẫu nhiên để kiểm tra chéo:

- Hỏi HS (Nhóm B trả lời kiến thức nhóm A): *Nếu nhiều học sinh nhầm lẫn chạy theo phong trào mua thuốc lá điện tử, thì 'đơn đặt hàng' vô trách nhiệm này sẽ để lại hệ lụy kinh tế, xã hội vĩ mô như thế nào?*

→ **Kích thích doanh nghiệp xấu sản xuất, lãng phí nguồn lực, suy kiệt sức khỏe nòi giống.**

- Hỏi HS (Nhóm A trả lời kiến thức nhóm B): *"Trong thời đại số, các Sàn thương mại điện tử (Shopee, TikTok Shop) có phải là Chủ thể trung gian không? Nếu các nền tảng này sập, chuyện gì sẽ xảy ra với người bán và người mua?"*

→ **Có. Nếu sập, giao thương đình trệ, đứt gãy cung-cầu,**

hội, quyết định sự tồn tại của sản phẩm.

c. Trách nhiệm:

- Tiêu dùng có trách nhiệm với sự phát triển bền vững của xã hội.

- Lựa chọn tiêu dùng thông minh, bảo vệ môi trường.

- Kiên quyết tẩy chay hàng kém chất lượng, hàng độc hại.

3. Chủ thể trung gian

a. Khái niệm: Chủ thể trung gian là các cá nhân, tổ chức đảm nhiệm vai trò cầu nối giữa các chủ thể sản xuất, tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ trên thị trường (như: các thương nhân chuyên phân phối hàng hoá, nhà môi giới chứng khoán, môi giới bất động sản, giới thiệu việc làm,...).

b. Vai trò:

- Kết nối quan hệ cung - cầu, làm cho sản xuất và tiêu dùng ăn khớp với nhau.

- Giúp nền kinh tế vận hành linh hoạt, hiệu quả.

- Cung cấp thông tin thị trường nhanh chóng cho cả người bán và người mua, sản xuất – tiêu dùng.

mất sự linh hoạt của kinh tế.

Bước 4. Kết luận, nhận định

- GV nhận xét: năng lực hợp tác và khả năng "đánh giá độ tin cậy thông tin số" của HS khi phân tích quảng cáo độc hại.

- GV chốt bản chất:

+ Mỗi đồng tiền chúng ta chi ra là ảnh hưởng sự phát triển của doanh nghiệp. Do đó, tiêu dùng thông thái là phải nói KHÔNG với sản phẩm hủy hoại sức khỏe cộng đồng.

+ Chủ thể trung gian là "mạch máu" lưu thông. Không có họ, sản xuất và tiêu dùng sẽ đứt gãy.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Phần A

a) Mục tiêu hoạt động: Phân biệt được đặc điểm các chủ thể, rèn luyện tư duy phản biện trước các quan điểm kinh tế lệch lạc.

b) Nội dung hoạt động: Kỹ thuật "Tìm lỗi sai" (Làm việc cá nhân).

c) Sản phẩm học tập: HS phát hiện lỗi sai bản chất và viết lại câu đúng vào vở.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV phát Phiếu "Truy tìm hạt sạn".

Yêu cầu học sinh đọc 3 nhận định sau, tìm lỗi sai và sửa lại cho đúng:

(1) Siêu thị chỉ là cái kho cất giữ hàng hóa, không có vai trò cung cấp thông tin.

(2) Mua thuốc lá điện tử là quyền tự do tiêu dùng cá nhân, không vi phạm pháp luật.

(3) Người tiêu dùng bị động hoàn toàn, người sản xuất làm ra cái gì thì phải mua cái đó.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh suy nghĩ cá nhân, viết lỗi sai và cách sửa ra vở (3 phút).

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi ngẫu nhiên HS đứng lên chữa bài.

Cả lớp giơ tay biểu quyết đồng tình hoặc phản biện.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt đáp án đúng:

(1) Sai vì siêu thị là chủ thể trung gian kết nối cung-cầu.

(2) Sai vì thuốc lá điện tử là hàng hóa độc hại, học sinh không được phép sử dụng.

(3) Sai vì tiêu dùng là đơn đặt hàng của sản xuất.

GV uốn nắn hành vi tiêu dùng lành mạnh.

Phần B. Câu hỏi trắc nghiệm: Chủ thể tiêu dùng và chủ thể trung gian

a) Mục tiêu:

Học sinh nhận biết được khái niệm, vai trò, trách nhiệm của chủ thể tiêu dùng và chủ thể trung gian; hiểu được mối quan hệ giữa tiêu dùng, sản xuất và hoạt động kết nối cung – cầu trên thị trường.

b) Nội dung:

Học sinh trả lời 06 câu hỏi trắc nghiệm mức độ **biết – hiểu**, bám sát nội dung về chủ thể tiêu dùng và chủ thể trung gian.

c) Sản phẩm:

Phiếu trả lời 06 câu hỏi trắc nghiệm của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên phát phiếu hoặc trình chiếu câu hỏi.

Câu 1. Chủ thể tiêu dùng là người

A. sản xuất hàng hóa để bán ra thị trường.

B. mua và sử dụng hàng hóa, dịch vụ để thỏa mãn nhu cầu.

C. ban hành chính sách quản lý hoạt động kinh tế.

D. làm cầu nối giữa người bán và người mua.

Câu 2. Vai trò của chủ thể tiêu dùng đối với sản xuất là

A. định hướng, tạo động lực cho sản xuất phát triển.

B. trực tiếp quyết định mức thuế của doanh nghiệp.

C. thay thế hoàn toàn vai trò của chủ thể sản xuất.

D. làm cho mọi sản phẩm đều tồn tại trên thị trường.

Câu 3. Vì sao nói tiêu dùng là “đơn đặt hàng” của xã hội đối với sản xuất?

A. Vì người tiêu dùng chỉ mua hàng khi được Nhà nước yêu cầu.

B. Vì nhu cầu tiêu dùng quyết định sản phẩm nào được tiếp tục sản xuất.

C. Vì người sản xuất không cần quan tâm đến thị hiếu khách hàng.

D. Vì mọi hàng hóa được sản xuất ra đều chắc chắn bán được.

Câu 4. Hành vi nào sau đây thể hiện tiêu dùng có trách nhiệm?

A. Mua hàng kém chất lượng vì giá rẻ.

B. Sử dụng lãng phí tài nguyên và sản phẩm.

C. Tẩy chay hàng độc hại, lựa chọn sản phẩm thân thiện môi trường.

D. Mua hàng theo phong trào, không cần tìm hiểu thông tin.

Câu 5. Chủ thể trung gian trên thị trường là

A. cá nhân, tổ chức làm cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng.

B. người chỉ sử dụng hàng hóa phục vụ sinh hoạt cá nhân.

C. cơ quan duy nhất quyết định giá cả mọi hàng hóa.

D. người trực tiếp tạo ra toàn bộ sản phẩm cho xã hội.

Câu 6. Một sàn thương mại điện tử giúp người bán giới thiệu sản phẩm, người mua tìm kiếm hàng hóa và so sánh giá. Sàn này đang thực hiện vai trò nào của chủ thể trung gian?

A. Làm cho sản xuất và tiêu dùng tách rời nhau.

B. Chỉ phục vụ lợi ích của người sản xuất.

C. Kết nối cung – cầu, cung cấp thông tin thị trường cho người bán và người mua.

D. Quyết định thay người tiêu dùng tất cả lựa chọn mua sắm.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh làm bài cá nhân trong 5 phút.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: Học sinh nêu đáp án, giải thích ngắn gọn.

Bước 4. Kết luận, nhận định: Giáo viên chốt đáp án, nhấn mạnh vai trò định hướng sản xuất của người tiêu dùng và vai trò kết nối cung – cầu của chủ thể trung gian.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu hoạt động: Đánh giá rủi ro đạo đức AI trong quảng cáo. Tích hợp [Mã AI NLb] (Nhận diện rủi ro đạo đức AI).

b) Nội dung hoạt động: Viết "Nhật ký công dân số".

c) Sản phẩm học tập: Đoạn phân tích ngắn (5-7 câu) nộp ở tiết sau.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao bài tập: "*Về nhà, khi lướt mạng xã hội, các em hãy để ý xem thuật toán AI có liên tục gợi ý quảng cáo phóng đại về một mặt hàng các em vừa nhắc tới không. Hãy viết 5-7 dòng nhận diện sự thao túng thông tin của thuật toán AI và cách em tự vệ để trở thành người tiêu dùng độc lập [Mã AI NLb].*"

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS trải nghiệm, quan sát mạng xã hội và viết nhật ký tại nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS nộp hình ảnh bài viết lên nhóm lớp (Zalo/Google Classroom).

Bước 4: Kết luận, nhận định: Tiết học sau, GV chọn 2 bài viết xuất sắc nhất chiếu lên bảng để nhận xét, lấy điểm và đánh giá khả năng phòng vệ không gian mạng của HS.

TIẾT 3: CHỦ THỂ NHÀ NƯỚC VÀ LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) Mục tiêu hoạt động:

Kích hoạt tư duy, tạo sự tò mò và tâm thế hứng thú cho học sinh trước khi vào bài mới.

Thông qua việc quan sát các hoạt động kinh tế trực tiếp, giúp học sinh bước đầu nhận biết được sự tham gia của các chủ thể, đặc biệt là nhận diện vai trò điều tiết, hỗ trợ và bảo vệ thị trường của Chủ thể Nhà nước.

b) Nội dung hoạt động:

Giáo viên trình chiếu hình ảnh/video về các hoạt động kinh tế (cảnh mua bán sầm uất, cảnh cơ quan chức năng kiểm tra hàng giả, cảnh Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sau thiên tai bão

lũ).

Học sinh làm việc cá nhân, quan sát và giải quyết hệ thống 3 câu hỏi gợi mở để nhận diện sự khác biệt giữa chủ thể Nhà nước và các chủ thể kinh doanh.

c) Sản phẩm học tập:

Câu trả lời phân tích của học sinh. Yêu cầu nêu được: Ngoài người mua và người bán, cần có Nhà nước đứng ra quản lý, hỗ trợ để thị trường ổn định, công bằng; sự can thiệp này không vì mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận.

d) Tổ chức thực hiện:

+ Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV trình chiếu lên màn hình 3 bức ảnh/video ngắn:

(1) Cảnh một khu chợ/siêu thị đang tấp nập người mua kẻ bán.

(2) Cảnh lực lượng Quản lý thị trường thu giữ hàng giả, hàng kém chất lượng.

(3) Cảnh cơ quan chức năng đang hướng dẫn hỗ trợ vốn/miễn giảm thủ tục cho doanh nghiệp bị thiệt hại sau thiên tai (ví dụ: bão Yagi).

GV giao nhiệm vụ: "Các em hãy quan sát những hình ảnh trên màn hình và bằng sự hiểu biết thực tế của mình, hãy suy nghĩ và trả lời 3 câu hỏi sau:

1. Trong một nền kinh tế, nếu chỉ có người mua và người bán tự do hoạt động mà không có ai quản lý, những rủi ro nào có thể xảy ra đối với các doanh nghiệp chân chính và người tiêu dùng?

2. Tổ chức nào có đủ thẩm quyền ban hành 'luật chơi', đứng ra kiểm tra, xử lý vi phạm và hỗ trợ doanh nghiệp lúc khó khăn để thị trường hoạt động ổn định?

3. Theo em, sự tham gia của tổ chức đó (Nhà nước) vào nền kinh tế có phải để kinh doanh thu lợi nhuận như các doanh nghiệp không? Mục đích cốt lõi là gì?"

+ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Hoạt động của HS: Tập trung quan sát hình ảnh, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành suy nghĩ cá nhân trong vòng 1-2 phút. Xâu chuỗi các hiện tượng kinh tế - xã hội để tìm câu trả lời.

Hoạt động của GV: Bao quát lớp, dùng ánh mắt để khích lệ học sinh tư duy, liên hệ với thực tế cuộc sống.

+ Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Hoạt động của HS:

Đại diện 2 - 3 HS xung phong đứng tại chỗ trả lời to, rõ ràng từng câu hỏi.

→ (1) Xảy ra lừa đảo, hàng giả, ô nhiễm môi trường, doanh nghiệp chen ép nhau.

(2) Nhà nước / Các cơ quan chức năng của Nhà nước.

(3) Không vì lợi nhuận. Mục đích là để tạo ra môi trường kinh doanh công bằng, an toàn và giúp đỡ các bên cùng phát triển.

Hoạt động của GV: Lắng nghe, ghi nhận. Khi HS phát biểu, GV nhanh tay ghi các từ khóa lên bảng (Ví dụ: *Rủi ro thị trường, Nhà nước quản lý, hỗ trợ, không vì lợi nhuận, tạo điều kiện...*).

+ Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: *Một nền kinh tế không thể tự vận hành tốt nếu chỉ có người mua và người bán. Nền kinh tế cần một chủ thể đứng ra điều tiết, khắc phục các rủi ro nảy sinh và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho mọi người cùng phát triển. Chủ thể đó chính là Nhà nước.*

Vậy bên cạnh Nhà nước, nền kinh tế còn có những chủ thể nào khác? Vai trò và trách nhiệm cụ thể của mỗi người khi tham gia vào nền kinh tế là gì? Chúng ta cùng đi vào tìm hiểu Bài 2: Các chủ thể của nền kinh tế."

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

(Tiếp theo - Phần 4. Chủ thể Nhà nước)

a) Mục tiêu hoạt động:

- Nêu được khái niệm và vai trò của chủ thể Nhà nước trong việc điều tiết, tạo điều kiện thuận lợi và khắc phục các vấn đề nảy sinh trong nền kinh tế.

- Tích hợp PCTN: Phê phán hành vi tham nhũng, bao che sai phạm, hiểu được hậu quả của hành vi này đối với sự phát triển lành mạnh của nền kinh tế.

- Tích hợp Trí tuệ nhân tạo (AI) - [Mã AI NLa]: Phân tích và khẳng định được vai trò trung tâm, quyền kiểm soát tối cao của con người (Nhà nước) khi ứng dụng AI vào việc kiểm soát và xử lý

các vấn đề kinh tế.

b) Nội dung hoạt động:

- Tổ chức Kỹ thuật "Xây sơ đồ cùng nhau" kết hợp "Công não".GV đóng vai trò người điều phối (vẽ sơ đồ), HS là người cung cấp "chất liệu" (tìm từ khóa từ SGK) để đắp bồi lên sơ đồ. Giải quyết các câu hỏi chuyên sâu.

c) Sản phẩm học tập:

- Một Sơ đồ tư duy hoàn chỉnh về "Chủ thể Nhà nước" được vẽ trên bảng đen. Câu trả lời phản biện logic của học sinh về vấn đề PCTN và quản trị AI.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: - Tổ chức lập sơ đồ tư duy: GV vẽ một vòng tròn lớn ở chính giữa bảng, ghi: "CHỦ THỂ NHÀ NƯỚC". -HS đọc và phát hiện từ khóa: 3 phút đọc thông tin trong SGK Chủ thể nhà nước. - Hãy dùng bút chì gạch chân dưới các thuật ngữ chỉ vai trò và sự tác động của Nhà nước đối với nền kinh tế. - HS phát biểu từ khóa để → GV hệ thống thành nhánh sơ đồ trên bảng. - GV đặt 2 câu hỏi: + <i>Câu 1 (Tích hợp PCTN):</i> Nhà nước có vai trò tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp và khắc phục những vấn đề nảy sinh (như hàng giả, ô nhiễm). Nếu cán bộ thực thi pháp luật có hành vi tham nhũng (nhận hối lộ để bao che cho doanh nghiệp làm hàng giả hoặc xả thải), hậu quả đối với môi trường kinh tế và xã hội sẽ ra sao? + <i>Câu 2 (Tích hợp AI - Mã NLa):</i> Để thực hiện vai trò "khắc phục những vấn đề nảy sinh" nhanh chóng, có ý kiến cho rằng: "Nhà nước nên giao phó hoàn toàn quyền tự động định chỉ hoạt động các doanh nghiệp vi phạm cho Trí tuệ nhân tạo (AI) xử lý thông qua hệ thống cảm biến và camera giám sát để đảm bảo minh bạch tuyệt đối". Em có đồng ý không? Tại sao khi thực hiện vai trò này, chủ thể Nhà nước (con người) vẫn phải giữ quyền kiểm soát tối cao để đảm bảo mục tiêu "tạo điều kiện thuận lợi" cho doanh nghiệp? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tập trung đọc thông tin SGK mục 4 - Xây dựng sơ đồ (Tương tác GV - HS): + HS lần lượt phát biểu các từ khóa phát hiện được (Ví dụ: "Điều tiết", "Tạo điều kiện thuận lợi", "Điều chỉnh", "Khắc phục vấn đề nảy sinh"). + GV nối các nhánh từ vòng tròn trung tâm để hình thành sơ đồ. + <i>GV đặt câu hỏi nhanh:</i> Khi HS nêu từ khóa "Khắc phục vấn đề nảy sinh" GV hỏi: "Theo các em, trong kinh tế thị trường có thể nảy sinh những vấn đề tiêu cực gì mà Nhà nước cần khắc phục?" → Ô nhiễm môi trường, buôn lậu, hàng giả... Bước 3: Báo cáo kết quả, thảo luận - GV chỉ định 1 HS nhìn vào sơ đồ tư duy trên bảng, hệ	4. Chủ thể Nhà nước - Chủ thể nhà nước có vai trò điều tiết và tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể kinh tế khác hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả. - Đồng thời, tác động để điều chỉnh và khắc phục những vấn đề nảy sinh trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

thống lại thành câu hoàn chỉnh về khái niệm và vai trò của Nhà nước.

- HS trả lời câu 1 (Tích hợp PCTN):

➔ Nếu cán bộ tham nhũng, bao che cho sai phạm thì Nhà nước sẽ không thể "khắc phục những vấn đề nảy sinh". Điều này tạo ra môi trường cạnh tranh không lành mạnh, phá hoại sự "thuận lợi" của nền kinh tế, gây thiệt hại trực tiếp cho những doanh nghiệp làm ăn chân chính và đe dọa sức khỏe, quyền lợi của người tiêu dùng.

- HS phản biện câu 2 (Tích hợp AI - [NLa]):

➔ Không đồng ý. AI chỉ là cỗ máy hoạt động dựa trên thuật toán cứng nhắc. Vai trò của chủ thể Nhà nước không chỉ là trừng phạt, mà còn là "tạo điều kiện thuận lợi" để hỗ trợ doanh nghiệp.

Ví dụ: Nếu một nhà máy để rò rỉ chất thải do sự cố thiên tai bất khả kháng (bão lụt), AI vô cảm sẽ tự động đóng cửa nhà máy vĩnh viễn, khiến hàng ngàn công nhân mất việc. Con người (đại diện Nhà nước) sẽ xem xét nguyên nhân khách quan để xử phạt nghiêm nhưng vẫn linh hoạt tạo cơ hội cho doanh nghiệp khắc phục sự cố, giữ lại công ăn việc làm. Do đó, con người phải lấy con người làm trung tâm và giữ quyền ra quyết định cuối cùng.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét: Đánh giá khả năng tổng hợp thông tin của lớp để hoàn thiện sơ đồ tư duy

- GV chốt kiến thức:

Như vậy, Nhà nước không trực tiếp sản xuất hàng hóa để bán, mà đóng vai trò kiến tạo sân chơi chung. Việc Nhà nước điều tiết, tạo điều kiện thuận lợi và khắc phục những khuyết tật của thị trường giúp nền kinh tế phát triển ổn định, lành mạnh.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP TỔNG HỢP

Nhiệm vụ 1

a) Mục tiêu hoạt động:

Củng cố, hệ thống hóa kiến thức toàn bài về 4 chủ thể của nền kinh tế (Sản xuất, Tiêu dùng, Trung gian, Nhà nước).

Vận dụng kiến thức để phân tích, nhận diện các chủ thể trong thực tiễn và giải quyết tình huống kinh tế - pháp luật cụ thể (Bài tập 2, 3 SGK).

b) Nội dung hoạt động: Tổ chức hoạt động nhóm duy nhất trong tiết bằng kỹ thuật "khăn trải bàn". Học sinh xử lý bài tập 2 (nhận diện chủ thể) và bài tập 3 (Xử lý tình huống xả thải gây ô nhiễm).

c) Sản phẩm học tập: Giấy A0 của các nhóm ghi rõ đáp án đã được thống nhất ở ô trung tâm; các góc cá nhân thể hiện tư duy độc lập của từng học sinh.

d) Tổ chức thực hiện chi tiết:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- Tổ chức nhóm: GV chia lớp thành 4 nhóm lớn. Phát cho mỗi nhóm 1 tờ giấy A0 (đã vẽ sẵn khung Khăn trải bàn: 4 góc cá nhân và 1 ô vuông trung tâm) và bút dạ.

- Giao nhiệm vụ cụ thể:

+ Nhóm 1 & 2 (Xử lý bài tập 2 - SGK): Nhận diện các chủ thể kinh tế trong đoạn thông tin cho sẵn. Yêu cầu chỉ rõ hành động nào thể hiện vai trò của chủ thể sản xuất, chủ thể trung gian và chủ thể tiêu dùng.

+ Nhóm 3 & 4 (Xử lý bài tập 3 - Tình huống xả thải): Đọc tình huống: "*Nhà máy X hoạt động rất*

hiệu quả, đóng thuế đầy đủ, tạo nhiều việc làm nhưng lại lén lút xả nước thải chưa qua xử lý ra sông làm cá chết hàng loạt". Hãy phân tích lỗi sai của doanh nghiệp này và chỉ ra vai trò của Chủ thể Nhà nước cần làm gì trong trường hợp này?

- Phổ biến luật "Khăn trải bàn":

"Các em có 3 phút làm việc CÁ NHÂN, tự viết ý kiến độc lập của mình vào góc giấy riêng. Sau đó, có 5 phút thảo luận NHÓM để lọc ra những ý đúng nhất, sâu sắc nhất và ghi vào ô TRUNG TÂM."

Bước 2: thực hiện nhiệm vụ

- Giai đoạn cá nhân (3 phút): HS suy nghĩ và viết quan điểm cá nhân vào góc giấy của mình.
- Giai đoạn nhóm (5 phút): Nhóm trưởng điều hành, yêu cầu từng thành viên đọc ý kiến của mình. Thư ký tổng hợp, thống nhất đáp án cốt lõi viết vào ô vuông giữa giấy A0.
- **Hoạt động của GV:** hỗ trợ các nhóm.

GV đặt câu hỏi gợi mở: "Phát triển kinh tế có được phép đánh đổi bằng môi trường không?"

Bước 3: báo cáo, thảo luận

- Các nhóm đính giấy A0 lên bảng. Cử đại diện trình bày phần chốt ý ở ô trung tâm. Sau khi nhóm báo cáo, GV gọi ngẫu nhiên HS các nhóm khác phản biện bằng câu hỏi: "Có ý kiến cho rằng, vì Nhà máy X đóng thuế rất nhiều cho ngân sách Nhà nước và tạo việc làm cho hàng ngàn công nhân, nên Chủ thể Nhà nước và Chủ thể tiêu dùng nên 'nhắm mắt làm ngơ' lỗi xả thải để giữ bát cơm cho công nhân. Bằng tư duy pháp luật và kinh tế, em hãy phản biện lại ý kiến này!"

→ HS trả lời: Bác bỏ hoàn toàn. Đóng thuế là nghĩa vụ bắt buộc, không phải là 'tấm vé miễn trừ' cho việc phá hoại pháp luật. Nếu người tiêu dùng nhắm mắt làm ngơ tức là đang tiếp tay cho cái ác, tự đầu độc sức khỏe của chính mình. Chủ thể Nhà nước phải thượng tôn pháp luật, đặt lợi ích sức khỏe nhân dân lên trên lợi ích kinh tế ngắn hạn).

Bước 4: kết luận, nhận định

- GV Nhận xét kĩ năng làm việc nhóm, biểu dương các cá nhân có góc nhìn sâu sắc ở phần "Khăn trải bàn".
- + Chốt đáp án chuẩn cho bài tập 2 và 3.

→ Qua các tình huống trên, chúng ta thấy 4 chủ thể kinh tế có mối quan hệ hữu cơ, mật thiết với nhau. Một nền kinh tế mạnh khỏe là nền kinh tế mà Sản xuất có đạo đức, Trung gian minh bạch, Tiêu dùng thông thái và Nhà nước quản lý nghiêm minh.

1. Yêu cầu đối với bài tập 2 (Nhận diện chủ thể):

- HS phải phân định rõ ràng các hành vi:
- + Chủ thể sản xuất: Bỏ vốn đầu tư, tổ chức nhân công làm ra sản phẩm.
- + Chủ thể trung gian: Các đại lý, nhà phân phối vận chuyển hàng từ nhà máy đến tay người dùng.
- + Chủ thể tiêu dùng: Bỏ tiền mua sản phẩm để sử dụng, mang lại doanh thu cho nhà sản xuất.

2. Yêu cầu đối với bài tập 3 (Tình huống xả thải):

- Về phía Chủ thể sản xuất (Nhà máy X): Đã vi phạm nghiêm trọng trách nhiệm xã hội và đạo đức kinh doanh. Mục tiêu lợi nhuận không được phép đi ngược lại sự phát triển bền vững và môi trường sống của cộng đồng.

- Về phía Chủ thể Nhà nước: Cần thể hiện vai trò quản lý vĩ mô, khắc phục khuyết tật của thị trường bằng cách: Thanh tra, xử phạt vi phạm hành chính thật nặng, đình chỉ hoạt động, buộc khắc phục hậu quả bồi thường cho người dân; đồng thời hoàn thiện hành lang pháp lý về môi trường chặt chẽ hơn

Nhiệm vụ 2

a) Mục tiêu:

Học sinh nhận biết và hiểu được khái niệm, vai trò, trách nhiệm của các chủ thể trong nền kinh tế: chủ thể sản xuất, tiêu dùng, trung gian và Nhà nước.

b) Nội dung:

Học sinh trả lời 7 câu hỏi, gồm: 5 câu TN 4 lựa chọn, 2 câu đúng/sai.

c) Sản phẩm:

Phiếu trả lời trắc nghiệm, kết quả đúng/sai và phần giải thích ngắn của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên phát phiếu hoặc trình chiếu câu hỏi.

7 CÂU HỎI – BÀI 2, LỚP 10 CÁC CHỦ THỂ CỦA NỀN KINH TẾ

I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1. Chủ thể sản xuất trong nền kinh tế thực hiện hoạt động nào sau đây?

A. Mua và sử dụng hàng hóa, dịch vụ để thỏa mãn nhu cầu.

B. Đầu tư vốn, sản xuất và cung cấp hàng hóa, dịch vụ ra thị trường.

C. Kết nối người bán với người mua và cung cấp thông tin thị trường.

D. Ban hành chính sách và tạo môi trường pháp lý cho phát triển.

Đáp án đúng: B. Đầu tư vốn, sản xuất và cung cấp hàng hóa, dịch vụ ra thị trường.

Giải thích: Chủ thể sản xuất sử dụng các yếu tố sản xuất để tạo ra và cung cấp hàng hóa, dịch vụ, đáp ứng nhu cầu xã hội.

Câu 2.

Người tiêu dùng ngày càng ưu tiên sản phẩm hữu cơ, an toàn và sử dụng bao bì tái chế. Nhiều doanh nghiệp vì thế phải thay đổi phương thức sản xuất. Thông tin trên thể hiện vai trò nào sau đây của chủ thể tiêu dùng?

A. Thay Nhà nước quản lý chất lượng hàng hóa.

B. Trực tiếp tổ chức sản xuất sản phẩm hữu cơ.

C. Làm trung gian phân phối các sản phẩm xanh.

D. Định hướng và tạo động lực cho sản xuất phát triển.

Đáp án đúng: D. Định hướng và tạo động lực cho sản xuất phát triển.

Giải thích: Nhu cầu và sự lựa chọn của người tiêu dùng tác động đến quyết định sản xuất của doanh nghiệp.

Câu 3.

Một hợp tác xã thu mua cam của nông dân, phân phối đến các cửa hàng và cung cấp thông tin về giá cả, nhu cầu thị trường. Hợp tác xã đã thực hiện vai trò nào sau đây?

A. Kết nối sản xuất với tiêu dùng và cung cấp thông tin thị trường.

B. Trực tiếp quyết định mục tiêu phát triển kinh tế của quốc gia.

C. Thay người tiêu dùng lựa chọn toàn bộ hàng hóa cần mua.

D. Thay người sản xuất chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm.

Đáp án đúng: A. Kết nối sản xuất với tiêu dùng và cung cấp thông tin thị trường.

Giải thích: Chủ thể trung gian là cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng, góp phần giúp nền kinh tế vận hành linh hoạt, hiệu quả.

Câu 4.

Nhà nước xây dựng hệ thống giao thông, ban hành các chính sách kinh tế và tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động. Những việc làm này thể hiện vai trò nào sau đây?

A. Trực tiếp quyết định mọi hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

B. Thay chủ thể trung gian tổ chức hoạt động lưu thông hàng hóa.

C. Định hướng, điều tiết và tạo điều kiện cho kinh tế phát triển.

D. Chỉ cung cấp hàng hóa nhằm phục vụ nhu cầu tiêu dùng cá nhân.

Đáp án đúng: C. Định hướng, điều tiết và tạo điều kiện cho kinh tế phát triển.

Giải thích: Nhà nước định hướng, dẫn dắt, xây dựng kết cấu hạ tầng, tạo môi trường pháp lý và khắc phục những bất ổn của nền kinh tế.

Câu 5.

Để giảm chi phí, một cơ sở sản xuất sử dụng nguyên liệu không bảo đảm an toàn nhưng vẫn đưa sản phẩm ra thị trường. Nhận xét nào sau đây phù hợp?

A. Cơ sở làm đúng vì sản phẩm có giá bán thấp hơn.

B. Cơ sở làm sai vì không bảo đảm chất lượng và an toàn sản phẩm.

C. Cơ sở làm đúng nếu người tiêu dùng tự nguyện mua sản phẩm.

D. Cơ sở làm sai vì chưa sử dụng chủ thể trung gian phân phối.

Đáp án đúng: B. Cơ sở làm sai vì không bảo đảm chất lượng và an toàn sản phẩm.

Giải thích: Chủ thể sản xuất phải tuân thủ quy định về chất lượng, an toàn sản phẩm, bảo vệ môi trường và quyền lợi của người tiêu dùng.

II. CÂU HỎI DẠNG NHẬN ĐỊNH ĐÚNG – SAI

Câu 6. Đọc thông tin sau:

Công ty H sản xuất sữa hữu cơ. Trước khi đưa sản phẩm ra thị trường, công ty khảo sát nhu cầu khách hàng và sử dụng bao bì có thể tái chế. Siêu thị K phân phối sản phẩm, đồng thời tiếp nhận phản hồi của người mua. Người tiêu dùng ưu tiên sản phẩm an toàn, có nguồn gốc rõ ràng. Cơ quan chức năng thường xuyên kiểm tra chất lượng sản phẩm.

a) Công ty H là chủ thể sản xuất vì tạo ra và cung cấp hàng hóa ra thị trường.

Đúng. Vì : Công ty H đầu tư, sản xuất và cung cấp sản phẩm ra thị trường

b) Siêu thị K là chủ thể tiêu dùng vì mua sản phẩm từ Công ty H.

Sai : Vì: Siêu thị K là chủ thể trung gian, thực hiện phân phối và kết nối người bán với người mua.

c) Việc lựa chọn sản phẩm an toàn của người tiêu dùng có thể tác động đến hoạt động sản xuất.

Đúng. Vì . Sự lựa chọn của người tiêu dùng định hướng và tạo động lực cho sản xuất.

d) Cơ quan chức năng kiểm tra chất lượng sản phẩm là biểu hiện của hoạt động sản xuất.

Sai: Kiểm tra chất lượng thể hiện vai trò quản lý, điều tiết của Nhà nước.

Câu 7. Đọc thông tin sau:

Trước nhu cầu sử dụng sản phẩm xanh, doanh nghiệp M chuyển sang dùng nguyên liệu an toàn và bao bì tái chế. Nhà phân phối công khai nguồn gốc sản phẩm, giúp người mua dễ dàng lựa chọn. Nhà nước đầu tư kết cấu hạ tầng và xây dựng môi trường pháp lý thuận lợi cho các chủ thể kinh tế hoạt động.

a) Việc doanh nghiệp M thay đổi sản phẩm cho thấy chủ thể sản xuất chỉ đáp ứng nhu cầu hiện tại.

Sai: vì Chủ thể sản xuất còn phải hướng tới nhu cầu trong tương lai và sự phát triển bền vững.

b) Công khai nguồn gốc sản phẩm thể hiện vai trò cung cấp thông tin của chủ thể trung gian.

Đúng. Vì : Chủ thể trung gian có vai trò cung cấp thông tin trong quan hệ sản xuất – tiêu dùng.

c) Lựa chọn sản phẩm xanh thể hiện trách nhiệm của người tiêu dùng đối với phát triển bền vững.

Đúng . Chủ thể tiêu dùng có trách nhiệm đối với sự phát triển bền vững của xã hội. ; Chủ thể tiêu dùng có trách nhiệm đối với sự phát triển bền vững của xã hội.

d) Đầu tư kết cấu hạ tầng và tạo môi trường pháp lý là vai trò của chủ thể Nhà nước.

Đúng. Đây là vai trò xây dựng hạ tầng và tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh làm bài cá nhân trong 10–12 phút.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: Học sinh nêu đáp án, giải thích lí do chọn.

Bước 4. Kết luận, nhận định: Giáo viên chốt đáp án, nhấn mạnh mối quan hệ giữa các chủ thể kinh tế.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu hoạt động:

Chuyển hóa kiến thức hàn lâm trong SGK thành khả năng quan sát, giải quyết vấn đề trong thực tiễn đời sống.

Giúp học sinh thấu hiểu sâu sắc sự liên kết và tương tác thực tế giữa 4 chủ thể kinh tế thông qua một dự án khảo sát cụ thể.

Tích hợp Năng lực số (NLS): Phát triển kỹ năng thiết kế sản phẩm số (Video/Infographic/Sơ đồ tư duy số) để truyền đạt thông tin.

b) Nội dung hoạt động: Học sinh thực hiện một dự án nhỏ tại nhà mang tên: "*Hành trình của một sản phẩm*".

c) Sản phẩm học tập: Một Sơ đồ tư duy (vẽ tay hoặc dùng Canva/Mindmap) hoặc một Video ngắn (1-2 phút làm bằng Capcut/TikTok) thể hiện rõ vòng đời của một sản phẩm cụ thể đi qua 4 chủ thể kinh tế.

d) Tổ chức thực hiện chi tiết:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV giao việc cuối tiết học)

GV phổ biến nhiệm vụ dự án về nhà: *"Để kết thúc bài học, thầy/cô giao cho các em một thử thách mang tên 'Hành trình của một sản phẩm'. Các em hãy chọn 1 sản phẩm cực kỳ quen thuộc trong nhà mình (Ví dụ: hộp sữa tươi, chiếc áo đồng phục, gói mì tôm...)."*

Yêu cầu cụ thể: *"Hãy sử dụng điện thoại quay 1 video ngắn (1-2 phút) hoặc thiết kế 1 sơ đồ, mô tả lại hành trình của sản phẩm đó:*

(1) Ai là **Chủ thể sản xuất** ra nó? Họ đã làm gì?

(2) Nó đã đi qua những **Chủ thể trung gian** nào (siêu thị, đại lý, shipper...) để đến nhà em?

(3) Gia đình em đóng vai trò **Chủ thể tiêu dùng**, đã sử dụng nó ra sao?

(4) Quan trọng nhất: Hãy chỉ ra **Chủ thể Nhà nước** đã 'đứng ở đâu' trong hành trình đó? (Gợi ý: Dấu kiểm định an toàn vệ sinh thực phẩm trên bao bì, hóa đơn siêu thị có tính thuế VAT...)."

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (Tại nhà)

HS chủ động khảo sát thực tế ngay tại gia đình hoặc cửa hàng tạp hóa gần nhà.

Ứng dụng công nghệ (NLS) để quay dựng video, lồng tiếng giải thích, hoặc sử dụng các phần mềm thiết kế để vẽ sơ đồ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Các cá nhân/nhóm nộp sản phẩm số của mình lên không gian mạng chung của lớp (Zalo nhóm, Padlet, Google Classroom) trước thời hạn quy định.

Học sinh trong lớp xem sản phẩm của nhau và "thả tim", bình luận (đánh giá đồng đẳng).

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV mở Padlet/Zalo, chọn trình chiếu 1-2 Video/Sơ đồ xuất sắc nhất, sáng tạo nhất cho cả lớp cùng xem.

GV nhận xét mức độ hiểu bài, khả năng liên hệ thực tiễn và kỹ năng công nghệ của học sinh.

=====

PHIẾU HỌC TẬP / PHỤ LỤC

PHẦN A: HỆ THỐNG PHIẾU HỌC TẬP (DÀNH CHO HỌC SINH)

PHIẾU HỌC TẬP TIẾT 1: CHỦ THỂ SẢN XUẤT

Họ và tên / Nhóm: **Lớp:**

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

Quan sát 3 hình ảnh trên màn hình và hoàn thành nhanh bảng sau:

1.Tên công việc: | Mục đích:

2.Tên công việc: | Mục đích:

3.Tên công việc: | Mục đích:

Kết luận: Họ thuộc nhóm người tham gia hoạt động kinh tế nào?.....

[Mã NLS 1.1.NC1b] Tra cứu/Nêu tên: Kể tên 01 công ty công nghệ/phần mềm tại Việt Nam và 1 sản phẩm của họ:

HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ (Hồ sơ nhân vật anh Q)

Đọc thông tin SGK trang 12, gạch chân từ khóa và trả lời:

1.Anh Q đã làm những công việc gì để tạo ra sản phẩm? Mục đích kinh doanh của anh là gì?

→2.

Việc anh Q dùng nguyên liệu thân thiện môi trường và nộp thuế đầy đủ thể hiện trách nhiệm gì?

Nếu trốn thuế, nền kinh tế sẽ bị ảnh hưởng thế nào?

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Góc nhìn Pháp luật & Đạo đức)

Tình huống: Ông X định xông măng bằng lưu huỳnh (hóa chất cấm) dịp Tết để bán.

1.Lập luận của ông X phản ánh việc chưa tuân thủ nguyên tắc nào của đạo đức kinh doanh? Hậu quả đối với xã hội là gì?

.....2.**Kị**

ch bản sắc vai: Nếu là con của ông X, em sẽ dùng lý lẽ gì để thuyết phục ông từ bỏ ý định?

U HỌC TẬP TIẾT 2: CHỦ THỂ TIÊU DÙNG & TRUNG GIAN

Họ và tên: Nhóm Chuyên gia: (A hoặc B).....

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (Nghịch lý kinh tế)

Tình huống: Bán áo khoác lông thú đắt tiền tại quốc gia sát đường xích đạo.

Theo em, hậu quả kinh tế nào sẽ xảy ra? Ai là người nắm quyền quyết định việc sản phẩm này tồn tại hay bị đào thải?

HOẠT ĐỘNG 2: VÒNG CHUYÊN GIA (Chỉ làm phần của nhóm mình)

NHÓM A (Chủ thể tiêu dùng - Tình huống KOL quảng cáo Pod/Vape):

1. Bằng [Mã NLS 1.2.NC1a], hãy đánh giá độ tin cậy của quảng cáo trên? Những người bị tác động mua hàng được gọi là chủ thể gì?

2. Trách nhiệm của công dân khi tiêu dùng là gì để không tiếp tay cho cái xấu?

NH

OM B (Chủ thể trung gian - Tình huống tiêu thụ Cam miền Tây):

1. Tổ chức, cá nhân đưa cam từ vườn đến tay người mua gọi là chủ thể gì? Khái niệm?

2. Vai trò của họ đối với nền kinh tế là gì?

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Truy tìm hạt sạn)

Tìm lỗi sai trong các nhận định sau và sửa lại cho đúng:

1. Siêu thị chỉ là kho cất giữ hàng hóa, không có vai trò cung cấp thông tin.

2. Mua a thuốc lá điện tử là quyền tự do tiêu dùng cá nhân, không vi phạm pháp luật.

Người ời tiêu dùng bị động hoàn toàn, người sản xuất làm ra cái gì thì phải mua cái đó.

PHI

EU HỌC TẬP TIẾT 3: CHỦ THỂ NHÀ NƯỚC & TỔNG ÔN

Nhóm:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (Quan sát thực tế)

Qua 3 hình ảnh (Chợ tập nập, Bắt hàng giả, Hỗ trợ doanh nghiệp sau bão), tổ chức nào có đủ thẩm quyền ban hành 'luật chơi', xử lý vi phạm và hỗ trợ thị trường? Sự tham gia này có phải để thu lợi nhuận không?

HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ

[Tích hợp PCTN]: Nếu cán bộ thực thi pháp luật nhận hối lộ để bao che cho doanh nghiệp làm hàng giả hoặc xả thải, hậu quả đối với môi trường kinh tế và xã hội sẽ ra sao?

[Tích h hợp AI - NLà]: Tại sao Nhà nước (con người) không nên giao phó hoàn toàn quyền tự động định chỉ doanh nghiệp cho AI xử lý, mà vẫn phải giữ quyền kiểm soát tối cao?

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Kĩ thuật Khăn trải bàn)

Nhóm 1&2 xử lý Bài tập 2 (SGK). Nhóm 3&4 xử lý Bài tập 3 (Nhà máy X xả thải).

(Ghi trực tiếp lên giấy A0 theo mô hình Khăn trải bàn: 4 góc cá nhân & 1 ô trung tâm)

PHẦN B: HƯỚNG DẪN CHẤM & ĐÁP ÁN (DÀNH CHO GIÁO VIÊN)**ĐÁP ÁN TIẾT 1****HD 1 (Khởi động):**

Tên CV/Mục đích: Nông dân (trồng lúa → lương thực); Công nhân may (quần áo → may mặc); Kỹ sư (viết code → phần mềm).

Thuộc nhóm: Chủ thể sản xuất.

Kể tên công ty: FPT, Viettel, VNG... Sản phẩm: Zalo, phần mềm kế toán...

HD 2 (Khám phá):

Câu 1: Anh Q nghiên cứu thị trường, cải tiến kỹ thuật, dùng nguyên liệu thân thiện. Mục đích: Đáp ứng nhu cầu, thu lợi nhuận, thực hiện trách nhiệm xã hội.

Câu 2: Thể hiện trách nhiệm với cộng đồng, môi trường và ý thức tuân thủ pháp luật. Nếu trốn thuế: Gây thất thu ngân sách, ảnh hưởng đầu tư công, phá vỡ cạnh tranh lành mạnh, gia tăng tiêu cực (PCTN).

HD 3 (Luyện tập):

Câu 1: Lập luận của ông X vi phạm nghiêm trọng đạo đức kinh doanh và tuân thủ pháp luật (đặt lợi nhuận lên trên sức khỏe). Hậu quả: Đe dọa sức khỏe người tiêu dùng, gây mất niềm tin xã hội, ô nhiễm môi trường.

Câu 2 (Sắm vai): Khuyến can dựa trên: "Làm ăn chộp giật sẽ mất khách hàng/Bị pháp luật xử lý hình sự/Tồn hại sức khỏe cộng đồng là tội ác".

ĐÁP ÁN TIẾT 2

HD 1 (Khởi động):

Hậu quả: É ẩm, lỗ vốn, phá sản.

Quyết định: Khách hàng / Người tiêu dùng là người quyết định sinh mệnh của sản phẩm.

HD 2 (Vòng Chuyên gia):

Nhóm A:

1. Quảng cáo không đáng tin cậy. Người mua là **Chủ thể tiêu dùng**. (Khái niệm: người mua, sử dụng hàng hóa dịch vụ thỏa mãn nhu cầu).

2. Định hướng, tạo động lực cho sản xuất (là đơn đặt hàng của xã hội).

3. Trách nhiệm: Tiêu dùng thông minh, bảo vệ môi trường, kiên quyết tẩy chay hàng độc hại (như Pod).

Nhóm B:

1. Thương nhân, đại lý, siêu thị. Gọi là **Chủ thể trung gian**. (Khái niệm: cầu nối giữa người sản xuất và tiêu dùng).

2. Vai trò: Kết nối cung - cầu, giúp kinh tế vận hành linh hoạt, cung cấp thông tin cho người bán và mua.

HD 3 (Luyện tập - Tìm lỗi sai):

(1) **Sai**. Siêu thị là chủ thể trung gian, có vai trò cung cấp thông tin thị hiếu từ người mua cho người sản xuất.

(2) **Sai**. Thuốc lá điện tử là hàng hóa độc hại, bòn rút sức khỏe, học sinh sử dụng là vi phạm nội quy/pháp luật. Tiêu dùng phải có trách nhiệm.

(3) **Sai**. Tiêu dùng là "đơn đặt hàng". Người tiêu dùng có quyền tẩy chay hàng kém chất lượng, định hướng lại sản xuất.

ĐÁP ÁN TIẾT 3

HD 1 (Khởi động):

Tổ chức quản lý: Nhà nước / Cơ quan chức năng.

Mục đích: Không vì lợi nhuận. Nhằm tạo ra môi trường kinh doanh công bằng, an toàn, ổn định và hỗ trợ các chủ thể khác cùng phát triển.

HD 2 (Khám phá):

Từ khóa: Điều tiết, tạo điều kiện thuận lợi, điều chỉnh, khắc phục vấn đề nảy sinh.

Câu 1 (PCTN): Tạo ra môi trường cạnh tranh không lành mạnh, phá hoại sự "thuận lợi" của nền kinh tế, gây thiệt hại cho doanh nghiệp chân chính, đe dọa sức khỏe người tiêu dùng.

Câu 2 (AI): AI vô cảm và cứng nhắc. Trong quản lý kinh tế, có những tình huống cần linh hoạt, nhân văn (ví dụ: hỗ trợ doanh nghiệp bị thiên tai). Con người phải là trung tâm, ra quyết định cuối cùng; AI chỉ là công cụ hỗ trợ để tránh các quyết định sai lầm, cứng nhắc, triệt đường sống của doanh nghiệp.

HD 3 (Luyện tập - Khăn trải bàn):

Nhóm 1&2 (Bài tập 2 SGK): HS phân định đúng: Bỏ vốn tạo sản phẩm (Sản xuất) - Vận chuyển, phân phối (Trung gian) - Bỏ tiền mua sử dụng (Tiêu dùng).

Nhóm 3&4 (Bài tập 3 SGK): + Nhà máy X: Vi phạm đạo đức kinh doanh, đặt lợi nhuận lên trên môi trường cộng đồng.

Chủ thể Nhà nước: Cần thể hiện vai trò quản lý vĩ mô, khắc phục khuyết tật thị trường (Thanh tra, xử phạt nặng, buộc khắc phục hậu quả, hoàn thiện pháp luật môi trường). Điểm cốt lõi: Không thể lấy lý do "tạo việc làm, đóng thuế" để bao che cho hành vi hủy hoại môi trường.

BÀI 3. THỊ TRƯỜNG

(Thời gian thực hiện: 2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**1. Về kiến thức:**

- Nêu được khái niệm thị trường.
- Liệt kê được các loại thị trường.
- Nêu được các chức năng của thị trường.

2. Về năng lực (Đặc thù môn GDKT&PL):

- *Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội*: Tìm hiểu và bóc tách các hiện tượng kinh tế trên không gian mạng và đời sống thực tế; nhận diện các yếu tố cấu thành thị trường và cách thức thị trường cung cấp thông tin, điều tiết nền kinh tế.
- *Năng lực điều chỉnh hành vi*: Đánh giá được sự phù hợp hay vi phạm chuẩn mực đạo đức, pháp luật của các chủ thể kinh tế; có thái độ thượng tôn pháp luật, lên án các hành vi gian lận, đầu cơ găm hàng, trốn thuế hoặc kinh doanh mặt hàng có hại cho sức khỏe (như thuốc lá điện tử).
- *Năng lực phát triển bản thân*: Hình thành tư duy quản lý tài chính và tiêu dùng thông minh, biết ứng dụng công nghệ để giải quyết các nhu cầu học tập, nghiên cứu cá nhân.

3. Về phẩm chất:

- *Trung thực*: Thể hiện sự liêm chính trong hoạt động trao đổi, học tập; phê phán tư tưởng gian lận thương mại, trốn thuế.
- *Trách nhiệm*: Tự giác tuân thủ các quy định pháp luật khi tham gia thị trường; có trách nhiệm bảo vệ sức khỏe bản thân và cộng đồng thông qua việc nói không với thuốc lá và các chất độc hại.
- *Chăm chỉ*: Chủ động tự học, khai thác thông tin công nghệ số để xây dựng và tóm tắt kiến thức.

4. Nội dung tích hợp:

- *Tích hợp phòng, chống tham nhũng (PCTN) và đạo đức liêm chính*: Lên án hành vi đầu cơ trục lợi, trốn thuế và thao túng giá cả trên thị trường.
- *Tích hợp phòng, chống tác hại của thuốc lá (PCTHTL)*: Phê phán hành vi quảng cáo, kinh doanh thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng trái phép nhắm vào giới trẻ.
- *Tích hợp quyền con người*: Quyền tự do kinh doanh hợp pháp và quyền được bảo vệ an toàn sức khỏe của người tiêu dùng.
- *Tích hợp năng lực số và trí tuệ nhân tạo (AI)*:
 - + Mã 1.1.NC1b: Áp dụng kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin trong môi trường số.
 - + Mã 3.1.NC1a: Áp dụng các cách tạo và chỉnh sửa nội dung ở định dạng số khác nhau (Canva).
 - + Mã NLC: Sử dụng công cụ AI tạo sinh hỗ trợ quá trình học tập và giải quyết vấn đề cá nhân.

II. THIẾT BỊ GIÁO DỤC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy tính, máy chiếu projector, tivi kết nối mạng, điện thoại thông minh (nếu có phương án sử dụng thiết bị số tại lớp).

2. Học liệu:

- *Học liệu truyền thống*: Sách giáo khoa, Sách giáo viên GDKT&PL 10; Phiếu học tập số 1 (nhật ký phiên chợ), phiếu học tập số 2 (khăn trải bàn - Giải mã thị trường).
- *Học liệu số*: Bộ câu hỏi Quizizz, đường link cổng thông tin tổng cục thống kê, hộp lệnh Prompt AI tạo sinh.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

(Tiết 1 - Khái niệm và các loại thị trường)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nêu được khái niệm thị trường.
- Liệt kê được các loại thị trường.

2. Về năng lực (Đặc thù môn GDKT&PL):

- *Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội*: Nhận biết các hiện tượng kinh tế thông qua việc đọc thông tin, quan sát trò chơi mô phỏng; phân tích và chỉ ra các yếu tố cấu thành thị trường, phân loại được các thị trường trong thực tiễn.
- *Năng lực điều chỉnh hành vi*: Đánh giá được tính hợp pháp của các giao dịch trên thị trường; tự điều chỉnh thái độ để phê phán các hành vi kinh doanh hàng cấm, hàng giả.
- *Năng lực phát triển bản thân*: Tự nhận thức được vai trò cá nhân khi tham gia thị trường; lập và thực hiện kế hoạch khảo sát một loại thị trường tại địa phương.

3. Về phẩm chất:

- *Trung thực*: Thể hiện sự liêm chính trong hoạt động trao đổi, học tập; tẩy chay tư tưởng gian lận thương mại.
- *Trách nhiệm*: Tự giác tuân thủ quy định pháp luật khi mua bán; có ý thức bảo vệ sức khỏe cộng đồng thông qua việc nói không với các mặt hàng độc hại.
- *Chăm chỉ*: Chủ động thu thập, trích dẫn thông tin để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

4. Nội dung tích hợp:

- *Phòng chống tham nhũng (PCTN) & Đạo đức lối sống*: Phê phán hành vi kinh doanh lừa đảo, gian lận trên thị trường trực tuyến.
- *Phòng chống tác hại của thuốc lá (PCTHTL)*: Lên án hành vi mua bán thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng trái phép trên thị trường.
- *Năng lực số & AI*: Áp dụng kỹ thuật tìm kiếm thông tin (Mã 1.1.NC1b); Sử dụng công cụ AI tạo sinh hỗ trợ học tập (Mã NLc).

II. THIẾT BỊ GIÁO DỤC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy tính, máy chiếu projector, bảng tương tác, điện thoại thông minh (đối với phương án dùng thiết bị tại lớp).

2. Học liệu: SGK, SGV GDKT&PL 10; Phiếu học tập số 1 (Bóc tách bối cảnh); vật phẩm trực quan (1 cuốn sổ tay/hộp bút); thẻ màu (xanh/đỏ).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) Mục tiêu hoạt động: Giúp học sinh xác định vấn đề học tập; nhận diện sơ bộ các yếu tố cần thiết (chủ thể, đối tượng, giá cả) để hình thành một giao dịch kinh tế.

b) Nội dung hoạt động: Học sinh tham gia trò chơi tương tác thực tế "Đấu giá siêu tốc", thực hiện hành động (nghe - nói - làm) để giải quyết tình huống mua bán vật phẩm.

c) Sản phẩm học tập: Các từ khóa do học sinh nêu được: *Người mua, người bán, hàng hóa, giá cả*.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên sử dụng phương pháp trò chơi học tập. Giáo viên đặt một cuốn sổ tay lên bàn và giao nhiệm vụ: Thiết lập giả định giáo viên là người bán với giá khởi điểm 10.000 đồng. Học sinh đóng vai người mua, liên tục đưa ra các mức giá cao hơn để giành quyền sở hữu. Người trả giá cao nhất sau 2 phút sẽ chiến thắng.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh chủ động thực hiện việc trả giá (nói, làm). Giáo viên quan sát, điều phối nhịp độ, ghi nhận các mức giá lên bảng. (Dự kiến khó khăn: Lớp ồn ào. Biện pháp: Giáo viên dùng khẩu lệnh đếm ngược 3-2-1 để chốt giá).

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Giáo viên chỉ định học sinh thắng cuộc và 1 học sinh khác trả lời câu hỏi: **ĐIỀU GÌ ĐÃ XẢY RA?**

Câu hỏi thảo luận nhanh:

- 1. Trong hoạt động vừa rồi có những ai tham gia?
- 2. Vật được trao đổi là gì?
- 3. Giá cả được hình thành như thế nào?
- 4. Nếu không có người mua hoặc người bán thì hoạt động có diễn ra không?
- 5. Hoạt động vừa rồi có phải là một dạng thị trường không? Vì sao?

Gợi ý trả lời:

Có người bán và người mua.
Có hàng hóa là cuốn sổ tay/hộp bút.
Có giá cả được hình thành thông qua trả giá.
Người mua và người bán tác động qua lại để chốt giá.
→ Đây là một biểu hiện đơn giản của thị trường.

Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên nhận xét, đánh giá thái độ tham gia của học sinh. Giáo viên nhấn mạnh: Toàn bộ quá trình người mua, người bán tương tác để chốt mức giá và trao đổi hàng hóa chính là sự vận hành của thị trường.

Vậy, thị trường là gì? Thị trường có những loại nào trong đời sống hiện nay?

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

(Thời lượng: 20 phút)

NỘI DUNG 1: KHÁI NIỆM THỊ TRƯỜNG

- a) **Mục tiêu hoạt động:** Nêu được khái niệm thị trường và chỉ ra các yếu tố cấu thành.
- b) **Nội dung hoạt động:** Học sinh đọc thông tin thực tế, thảo luận nhóm (Nói - Viết) để tự đúc kết tri thức.
- c) **Sản phẩm học tập:** Phiếu học tập số 1 chứa câu trả lời và khái niệm thị trường ghi vào vở.
- d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên sử dụng mô hình 5E (Khám phá trước). Giáo viên phát Phiếu học tập số 1 kèm bối cảnh: " Trên ứng dụng gọi xe công nghệ, người dùng chọn điểm đến. Hệ thống hiển thị giá dựa trên khoảng cách, thời điểm, mật độ xe và nhu cầu đi lại. Người dùng đặt xe, tài xế nhận chuyển, chuyển đi được thực hiện và thanh toán". Giáo viên yêu cầu các nhóm 4 học sinh thảo luận, phân tích các yếu tố cấu thành giao dịch trong bối cảnh trên (Thời gian: 5 phút). - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh làm việc nhóm, phân tích tình huống (Đọc - Viết). Giáo viên quan sát, gợi mở tư duy chiều sâu cho các nhóm yếu phân biệt sự khác nhau giữa chợ truyền thống và ứng dụng số. - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Giáo viên yêu cầu đại diện 2 nhóm trình bày sản phẩm. Các nhóm khác phản biện, bổ sung ý kiến. - Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên nhận xét, bổ sung và nhấn mạnh: Thị trường không chỉ là	1. Khái niệm thị trường - Thị trường là lĩnh vực trao đổi, mua bán mà ở đó các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau để xác định giá cả và số lượng hàng hóa, dịch vụ. - Các yếu tố cấu thành thị trường bao gồm: người mua - người bán; hàng hóa - dịch vụ; giá cả - tiền tệ; quan hệ cung - cầu, cạnh tranh.

không gian vật lý (chợ, siêu thị) mà bao gồm cả không gian số...có sự tác động qua lại để xác định giá. Giáo viên chốt kiến thức cốt lõi.	
---	--

NỘI DUNG 2: CÁC LOẠI THỊ TRƯỜNG

- a) **Mục tiêu hoạt động:** Liệt kê được các loại thị trường. Mã chỉ báo AI: [Mã NLC].
- b) **Nội dung hoạt động:** Học sinh ứng dụng AI hoặc thẻ trực quan (Đọc - Làm - Tạo ra) để phân loại thị trường.
- c) **Sản phẩm học tập:** Sơ đồ/Bảng phân loại các loại thị trường.
- d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên sử dụng kĩ thuật Mảnh ghép. Chia lớp thành 3 nhóm Chuyên gia nghiên cứu 3 tiêu chí phân loại thị trường trong SGK. <i>Tích hợp AI [Mã NLC] (Thiết kế 2 phương án):</i> + <i>Phương án 1 (Dùng điện thoại tại lớp):</i> Giáo viên yêu cầu học sinh sử dụng lệnh Prompt gửi AI (ChatGPT/Gemini): "<i>Đóng vai chuyên gia kinh tế, hãy phân loại 5 ví dụ thị trường thực tế theo tiêu chí đối tượng giao dịch và phạm vi không gian</i>". Nhóm đối chiếu kết quả AI với SGK để vẽ sơ đồ. + <i>Phương án 2 (Không dùng điện thoại):</i> Giáo viên phát tài liệu in sẵn các ví dụ do AI xuất ra. Học sinh tự đối chiếu, phân loại và dán thẻ lên bảng A0. - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Vòng 1: Học sinh làm việc theo nhóm Chuyên gia (3 phút). Vòng 2: Học sinh luân chuyển tạo nhóm Mảnh ghép, lần lượt dạy lại cho nhau để hoàn thành bảng phân loại chung (4 phút). - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Giáo viên chọn 1 nhóm Mảnh ghép trình bày. Nhóm khác nhận xét chéo. - Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên đánh giá năng lực hợp tác, nhận xét về sự chính xác của thông tin do AI cung cấp (luôn cần con người kiểm chứng). Giáo viên chốt kiến thức.	2. Các loại thị trường Có nhiều loại thị trường khác nhau: - Theo đối tượng giao dịch, mua bán cụ thể: thị trường hàng hóa, dịch vụ (thị trường gạo, thị trường du lịch, bảo hiểm...). - Theo phạm vi không gian giao dịch: thị trường trong nước (thị trường địa phương, toàn quốc), thị trường thế giới. - Theo vai trò yếu tố đầu vào/đầu ra: thị trường yếu tố sản xuất (lao động, vốn), thị trường hàng tiêu dùng. - Theo tính truyền thống/hiện đại: thị trường truyền thống, thị trường trực tuyến (thương mại điện tử).

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- (Thời lượng: 12 phút)
- a) **Mục tiêu hoạt động:** Mức độ Thông hiểu/Vận dụng thấp. Nhận diện và phân loại chính xác các hình thức thị trường trong thực tế. Mã năng lực số: (Mã 1.1.NC1b).
 - b) **Nội dung hoạt động:** HS xử lý hệ thống câu hỏi trắc nghiệm đúng/Sai bối cảnh thực tiễn (đọc - viết - nói).
 - c) **Sản phẩm học tập:** Đáp án lựa chọn của học sinh.
 - d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên sử	LUYỆN TẬP

dụng kỹ thuật "Tia chớp" kết hợp trắc nghiệm thẻ màu. <i>Tích hợp NLS (Mã 1.1.NC1b) (2 phương án):</i> + <i>Phương án 1:</i> HS truy cập ứng dụng Quizizz/Azota trên điện thoại để trả lời 5 câu hỏi tình huống. + <i>Phương án 2:</i> Giáo viên trình chiếu bối cảnh: "<i>Doanh nghiệp X lập website bán đặc sản địa phương ra toàn quốc, đồng thời lên lút quảng cáo bán thuốc lá điện tử nhập lậu</i>". Học sinh dùng thẻ xanh (đúng) / đỏ (sai) để giơ lên trả lời các lệnh hỏi của giáo viên liên quan đến loại hình thị trường và tính hợp pháp. - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh tiến hành đọc bối cảnh, tư duy và đưa ra quyết định lựa chọn đáp án (Làm). - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Sau mỗi câu hỏi, giáo viên gọi ngẫu nhiên học sinh giải thích lí do chọn Đúng hoặc Sai. Các học sinh khác phản biện bảo vệ quan điểm. Sau mỗi nhận định, giáo viên gọi nhanh 1–2 học sinh giải thích lí do lựa chọn. Hệ thống nhận định Đúng/Sai 1. Doanh nghiệp X bán đặc sản địa phương qua website ra toàn quốc là biểu hiện của thị trường. Đúng. Có người bán, người mua, hàng hóa, giá cả, phương thức trao đổi và thanh toán. Các chủ thể kinh tế tác động qua lại để thực hiện giao dịch. 2. Hoạt động bán đặc sản địa phương thuộc thị trường hàng hóa. Đúng. Đặc sản địa phương là hàng hóa được đem ra trao đổi, mua bán. 3. Doanh nghiệp X bán hàng trên website là thị trường truyền thống. Sai. Website bán hàng là hình thức thị trường trực tuyến/thương mại điện tử, không phải thị trường truyền thống. 4. Doanh nghiệp X bán hàng ra toàn quốc nên có thể xem là tham gia thị trường trong nước. Đúng. Hoạt động mua bán diễn ra trong phạm vi lãnh thổ quốc gia, từ địa phương đến các tỉnh, thành khác. 5. Do có người mua và người bán thì luôn là giao dịch hợp pháp. Sai. Có giao dịch không đồng nghĩa với hợp pháp. Ví dụ : Hàng nhập lậu, hàng cấm hoặc	<i>Bài tập xử lý tình huống:</i> - Căn cứ vào phạm vi không gian, doanh nghiệp X đang tham gia thị trường trong nước (toàn quốc). - Căn cứ vào tính hiện đại, doanh nghiệp đang tham gia thị trường trực tuyến (thương mại điện tử). - Hành vi kinh doanh thuốc lá điện tử lậu trên không gian mạng là hành vi vi phạm đạo đức kinh doanh, vi phạm quy định pháp luật về thương mại điện tử và gây hại cho sức khỏe cộng đồng.
---	--

hàng gây hại cho sức khỏe không được coi là hoạt động kinh doanh đúng pháp luật, đúng đạo đức.

6. Quảng cáo thuốc lá điện tử cho học sinh là hành vi kinh doanh thiếu trách nhiệm, cần bị phê phán.

Đúng. Hành vi này hướng đến đối tượng học sinh, gây nguy cơ ảnh hưởng sức khỏe, vi phạm đạo đức kinh doanh và không phù hợp với yêu cầu bảo vệ trẻ em, bảo vệ người tiêu dùng.

Câu hỏi gợi mở khi học sinh trả lời chưa rõ:

1. Em căn cứ vào dấu hiệu nào để xác định đây là thị trường?
2. Đối tượng được mua bán trong tình huống là gì?
3. Website bán hàng thuộc loại thị trường nào?
4. Có phải cứ có người mua, người bán thì giao dịch đều hợp pháp không? Vì sao?
5. Khi gặp quảng cáo thuốc lá điện tử trên mạng, học sinh nên làm gì?

Gợi ý trả lời chung:

Thị trường có các yếu tố: người mua, người bán, hàng hóa/dịch vụ, giá cả, phương thức trao đổi.

Website bán đặc sản là biểu hiện của thị trường trực tuyến.

Bán ra toàn quốc thuộc phạm vi thị trường trong nước.

Bán thuốc lá điện tử nhập lậu cho học sinh là hành vi sai trái, cần phê phán vì vi phạm đạo đức kinh doanh, gây hại sức khỏe và có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

Học sinh cần nói không với thuốc lá điện tử, không chia sẻ quảng cáo, không mua thử, biết báo cho người lớn hoặc cơ quan chức năng khi phát hiện hành vi vi phạm.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** Giáo viên chốt đáp án đúng, uốn nắn hành vi. Giáo viên lồng ghép PCTHTL và Đạo đức: Thị trường trực tuyến (thương mại điện tử) mang lại hiệu quả cao nhưng việc kinh doanh thuốc lá điện tử lậu là vi phạm pháp luật và đạo đức kinh doanh nghiêm trọng, cần bị xử lý nghiêm.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

(Thời lượng: 6 phút)

a) Mục tiêu hoạt động: Mức độ vận dụng cao (phát triển năng lực bản thân). Học sinh khảo sát được thực trạng một loại thị trường.

b) Nội dung hoạt động: Thiết kế dự án nhỏ (làm - tạo ra), khảo sát một loại thị trường (chợ, siêu thị, cửa hàng trực tuyến) tại địa phương.

c) Sản phẩm học tập: Báo cáo khảo sát thực tiễn dưới dạng Infographic, sơ đồ hoặc bài viết.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên sử dụng phương pháp dạy học dự án. Giáo viên yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm (ở nhà), chọn 1 loại thị trường tại địa phương (Ví dụ: Thị trường văn phòng phẩm, thị trường đồ ăn nhanh). Nhiệm vụ: Ghi chép đối tượng giao dịch, tính truyền thống/hiện đại và khảo sát xem cửa hàng có tuân thủ đạo đức (không bán thuốc lá/hàng giả cho học sinh) hay không. Hình thức nộp: Bản giấy A3 hoặc thiết kế đồ họa số. Thời hạn: Tiết học sau.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh ứng dụng kiến thức vào thực tế đời sống, phân công nhau đi khảo sát thực địa, phỏng vấn và thu thập số liệu. Giáo viên hỗ trợ trực tuyến qua nhóm Zalo/Zavi (nếu cần).

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Học sinh nộp sản phẩm và trưng bày (Triển lãm phòng tranh) ở đầu tiết học sau.

Bước 4: Kết luận, nhận định: (Sẽ thực hiện ở tiết sau). Giáo viên đánh giá thái độ tham gia dự án, khen thưởng các nhóm làm tốt, lan tỏa các hành vi kinh doanh tích cực, tuân thủ pháp luật tại địa phương.

5 CÂU HỎI TÌNH HUỐNG TRÊN AZOTA (LUYỆN TẬP)

Khái niệm và các loại thị trường" (Môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật Lớp 10).

Câu 1. Theo thống kê đầu năm 2025, tổng mức giao dịch bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả nước ước đạt 527,2 nghìn tỷ đồng nhờ sự gặp gỡ, thỏa thuận trực tiếp và trực tuyến giữa hàng triệu người mua và người bán về mức giá cả. Thông tin trên là căn cứ phản ánh nội dung của khái niệm kinh tế nào sau đây?

A. Phân phối thu nhập.

B. Thị trường.

C. Lạm phát tiền tệ.

D. Cạnh tranh độc quyền.

Câu 2. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, quý I năm 2025, cả nước có khoảng 51,3 triệu người có việc làm, tăng 174,1 nghìn người so với cùng kỳ năm trước thông qua việc kí kết các hợp đồng thỏa thuận trả lương giữa doanh nghiệp và ứng viên. Thông tin trên là căn cứ để phản ánh quy mô của loại hình thị trường nào sau đây?

A. Thị trường chứng khoán.

B. Thị trường công nghệ.

C. Thị trường sức lao động.

D. Thị trường bất động sản.

Câu 3. Báo cáo tháng 5 năm 2025 cho thấy, tổng kim ngạch xuất khẩu nông sản đạt 4,5 tỷ USD nhờ hàng loạt giao dịch mua bán lúa gạo, sầu riêng giữa các doanh nghiệp trong nước với đối tác nước ngoài. Thông tin trên là căn cứ để phản ánh hoạt động của loại hình thị trường nào sau đây?

A. Thị trường hàng hóa.

B. Thị trường dịch vụ.

C. Thị trường tài chính.

D. Thị trường thông tin.

Câu 4. Năm 2024, doanh số thương mại điện tử bán lẻ của Việt Nam đạt 20,5 tỷ USD, tập trung chủ yếu vào các giao dịch đặt hàng trực tuyến phục vụ nhu cầu sinh hoạt thường ngày trên toàn bộ lãnh thổ quốc gia. Số liệu trên là căn cứ để phản ánh sự phát triển của loại hình thị trường nào sau đây?

A. Thị trường khu vực.

B. Thị trường toàn cầu.

C. Thị trường thế giới.

D. Thị trường trong nước.

Câu 5. Trong đợt cao điểm tháng 1 năm 2025, cơ quan chức năng đã triệt phá một đường dây lén lút thỏa thuận mua bán 15.000 bao thuốc lá điện tử nhập lậu qua mạng xã hội với tổng trị giá 800 triệu đồng. Hành vi của các đối tượng trong thông tin trên thể hiện việc vi phạm quy định pháp luật nào sau đây khi tham gia thị trường?

A. Giao dịch hàng hóa bị cấm.

B. Can thiệp cơ chế định giá.

(Tiết 2 - Chức năng của thị trường, luyện tập và vận dụng)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nêu được các chức năng của thị trường.
- Phân tích được sự biểu hiện của các chức năng thị trường trong thực tiễn.

2. Về năng lực:

- *Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội*: Quan sát hiện tượng biến động giá cả, phân tích và giải thích được cách thức thị trường cung cấp thông tin và điều tiết sản xuất, tiêu dùng.
- *Năng lực điều chỉnh hành vi*: Đánh giá được sự phù hợp hay vi phạm chuẩn mực đạo đức, pháp luật của các chủ thể kinh tế; thể hiện thái độ phê phán các hành vi đầu cơ găm hàng, trốn thuế hoặc kinh doanh mặt hàng có hại cho sức khỏe.
- *Năng lực phát triển bản thân*: Hình thành tư duy quản lý tài chính; ứng dụng công cụ công nghệ số và trí tuệ nhân tạo để giải quyết các nhu cầu học tập, khảo sát thực tiễn.

3. Về phẩm chất:

- *Trung thực*: Thể hiện sự liêm chính trong học tập và nhận thức; bài trừ tư tưởng gian lận thương mại, trốn thuế.
- *Trách nhiệm*: Tự giác tuân thủ quy định pháp luật khi tham gia thị trường; có trách nhiệm bảo vệ sức khỏe cộng đồng thông qua việc nói không với các sản phẩm độc hại.
- *Chăm chỉ*: Chủ động tự học, khai thác thông tin từ thực tiễn để kiến tạo tri thức.

4. Nội dung tích hợp:

- *Phòng chống tham nhũng (PCTN) & Đạo đức lối sống*: Phân tích và lên án hành vi đầu cơ trục lợi, trốn thuế, phá hoại sự vận hành của thị trường.
- *Phòng chống tác hại của thuốc lá (PCTHTL)*: Phê phán hành vi lén lút kinh doanh thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng trái phép nhắm vào giới trẻ.
- *Năng lực số & AI*:
 - + Mã 1.1.NC1b: Áp dụng kỹ thuật tìm kiếm để lấy dữ liệu môi trường số.
 - + Mã 3.1.NC1a: Áp dụng các cách tạo nội dung ở định dạng số (Canva).
 - + Mã NLc: Sử dụng công cụ AI tạo sinh hỗ trợ thiết lập kế hoạch khảo sát.

II. THIẾT BỊ GIÁO DỤC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy tính, máy chiếu projector, bảng tương tác, điện thoại thông minh (đối với phương án dùng thiết bị tại lớp).

2. Học liệu: SGK, SGV GDKT&PL; Phiếu học tập số 1 (khăn trải bàn - chức năng thị trường); Thẻ màu Trắc nghiệm (xanh/đỏ); Bảng tiêu chí Rubric đánh giá dự án.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

(Thời lượng: 7 phút)

a) Mục tiêu hoạt động: Giúp học sinh xác định được vấn đề học tập; nhận diện được sự tác động của giá cả đến hành vi của người mua và người bán thông qua phản xạ nhanh.

b) Nội dung hoạt động: Học sinh tham gia trò chơi "Phản xạ thị trường", thực hiện hành động (nghe - tư duy - nói) để đưa ra quyết định kinh tế khi có biến động giá cả.

c) Sản phẩm học tập: Các quyết định (tăng/giảm mua, tăng/giảm sản xuất) do học sinh đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên sử dụng kỹ thuật "Tia chớp" kết hợp trò chơi phân xạ. Giáo viên nêu luật chơi: "Giáo viên sẽ đưa ra 2 tình huống biến động giá. Học sinh đóng vai người tiêu dùng (ở tình huống 1) và người sản xuất (ở tình huống 2) để lập tức đưa ra quyết định hành động trong 3 giây".

- *Tình huống 1:* Giá thịt lợn đột ngột tăng gấp đôi. Là người tiêu dùng, em làm gì?
- *Tình huống 2:* Giá thanh long đang rất cao và thương lái thu mua mạnh. Là nông dân trồng trồng, em làm gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh lắng nghe bối cảnh, tư duy nhanh và chuẩn bị câu trả lời (làm). Giáo viên quan sát mức độ tập trung của lớp.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Giáo viên chỉ ngẫu nhiên 3-4 học sinh trả lời nhanh cho mỗi tình huống. (Dự kiến sản phẩm: TH1: *Chuyển sang mua thịt gà/cá để tiết kiệm*; TH2: *Trồng thêm thanh long để kiếm lời*). Các học sinh khác nhận xét sự hợp lý trong quyết định của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên nhận xét sự nhạy bén của học sinh. Giáo viên dẫn dắt: "Sự thay đổi hành vi mua - bán của các em chính là kết quả từ những 'tín hiệu' mà thị trường phát ra. Vậy thị trường có những chức năng cụ thể nào để dẫn dắt nền kinh tế? Chúng ta cùng tìm hiểu trong Hoạt động Hình thành kiến thức mới".

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

(Thời lượng: 15 phút)

Tìm hiểu mục 3: Chức năng của thị trường

a) Mục tiêu: - Giúp học sinh nêu được các chức năng cơ bản của thị trường (thừa nhận, thông tin, điều tiết và kích thích).

Giải thích được cơ chế hoạt động của từng chức năng thông qua việc phân tích các tình huống thực tiễn.

b) Nội dung: - Học sinh đọc thông tin, quan sát tình huống thực tế, thảo luận nhóm theo kỹ thuật "Khăn trải bàn" và trình bày ý kiến để làm rõ 3 chức năng của thị trường.

c) Sản phẩm: - Nội dung trả lời trên *Phiếu học tập: Khám phá chức năng thị trường* của các nhóm (Ghi rõ 3 chức năng, ví dụ minh họa và nhận diện được hành vi làm méo mó chức năng thị trường).

d) Tổ chức thực hiện:

a) Mục tiêu hoạt động: Phân tích và giải thích được 3 chức năng cơ bản của thị trường trong nền kinh tế.

b) Nội dung hoạt động: Học sinh phân tích tình huống thực tế về sự biến động giá cả (đọc - viết - nói) để làm rõ sự phản ứng của các chủ thể và tự rút ra chức năng thị trường.

- *Tích hợp PCTN, PCTHTL và Đạo đức:* Phân tích mâu thuẫn khi một nhóm thương nhân thông đồng găm hàng, lén lút bán thuốc lá điện tử lậu nhằm trục lợi, phá hoại sự vận hành của thị trường.

c) Sản phẩm học tập: Phiếu học tập số 1 (Kỹ thuật khăn trải bàn) hoàn thiện.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên chia lớp thành 6 nhóm, mỗi nhóm nhận một Phiếu học tập “Khám phá chức năng của thị trường” thiết kế theo kỹ thuật “Khăn trải bàn”. Giáo viên hướng dẫn cách làm việc: mỗi học sinh ghi ý kiến cá nhân vào một góc phiếu;	3. Chức năng của thị trường Thị trường có 3 chức năng cơ bản: - Chức năng thừa nhận: Thị trường thừa nhận công dụng xã hội của hàng hóa và lao động hao phí để sản xuất ra nó thông qua

Sau đó cả nhóm trao đổi, thống nhất kết quả vào ô trung tâm.

Giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh đọc ba tình huống sau:

Tình huống 1. Balo Một cơ sở sản xuất làm ra loại balo có mẫu mã đẹp, nhưng giá quá cao, chưa phù hợp với nhu cầu của học sinh nên bán rất chậm.

Học sinh trả lời:

- Sản phẩm này có được người mua lựa chọn nhiều không?

- Lao động của người sản xuất có được thị trường thừa nhận đầy đủ không?

- Cơ sở sản xuất cần điều chỉnh điều gì?

Tình huống 2. Giá vở học sinh Cùng một loại vở học sinh, cửa hàng A bán 8.000 đồng/quyển, cửa hàng B bán 10.000 đồng/quyển, trên sàn thương mại điện tử có nơi bán 7.500 đồng/quyển kèm phí vận chuyển.

Học sinh trả lời:

- Giá cả cho người mua biết điều gì?

- Giá cả cho người bán biết điều gì?

- Người tiêu dùng nên quyết định thế nào?

Tình huống 3. Nước mía đóng chai Mùa hè, nhu cầu mua nước mía đóng chai tăng mạnh. Nhiều cơ sở đầu tư máy ép, bao bì, nhân công và mở rộng điểm bán.

Học sinh trả lời:

- Vì sao nguồn lực được chuyển sang sản xuất nước mía đóng chai?

- Người sản xuất phải cải tiến điều gì để cạnh tranh?

- Thị trường đang thực hiện chức năng nào?

Tích hợp năng lực số và AI

- Trường hợp học sinh được sử dụng thiết bị thông minh: học sinh tra cứu giá của cùng một loại vở học sinh ở ba nguồn khác nhau, so sánh và chọn lọc thông tin giá [Mã NLS 1.1.NC1b]. - Học sinh sử dụng ChatGPT/Gemini với câu lệnh: “Nêu 1 ví dụ ngắn gọn về hành vi quảng cáo sai sự thật làm méo mó chức năng thông tin của thị trường”. Nhóm chỉ sử dụng kết quả sau khi đã trao đổi, đối chiếu với hiểu biết của mình [Mã AI-1.1].

- Trường hợp không sử dụng thiết bị tại lớp: giáo viên trình chiếu hoặc phát bản in bảng so sánh giá vở học sinh; phân tra cứu sản phẩm thương mại điện tử và tham khảo AI giao thành nhiệm vụ học tập ở nhà.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh làm việc cá nhân trong 2 phút: đọc tình

việc hàng hóa có bán được hay không, với giá bao nhiêu.

Nếu hàng hóa không bán được, nghĩa là lao động của người sản xuất không được thị trường thừa nhận.

- Chức năng thông tin:

Cung cấp dữ liệu về số lượng, chất lượng, chủng loại, giá cả và tình hình cung – cầu cho các chủ thể kinh tế, giúp người mua và người bán điều chỉnh hành vi tiêu dùng và sản xuất phù hợp.

- Chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế: Giúp người sản xuất và tiêu dùng điều chỉnh hành vi kịp thời để phù hợp với sự biến đổi của thị trường.

+ Đối với người sản xuất: Thị trường điều tiết các nguồn lực sản xuất (tư liệu sản xuất, lao động, vốn) từ ngành này sang ngành khác, từ mặt hàng này sang mặt hàng khác, từ nơi này sang nơi khác;

- Kích thích hoặc hạn chế sản xuất phù hợp với biến động giá cả và nhu cầu thị trường.

Từ đó thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, thúc đẩy cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất để tăng năng suất và giảm chi phí.

+ Đối với người tiêu dùng điều chỉnh mua nhiều, hoặc mua ít phù hợp với sự biến động của giá cả và nhu cầu.

huống, ghi từ khóa ngắn gọn vào góc phiếu của mình.

Học sinh làm việc nhóm trong 5 phút: trao đổi, thống nhất ý kiến vào ô trung tâm của phiếu học tập.

Nội dung thống nhất gồm:

- Xác định chức năng thị trường trong từng tình huống.

- Lấy một ví dụ thực tế cho mỗi chức năng.

- Chỉ ra một hành vi làm méo mó chức năng thị trường.

Giáo viên quan sát quá trình làm việc của các nhóm, hỗ trợ khi học sinh gặp khó khăn trong việc khái quát từ tình huống cụ thể thành tên chức năng thị trường.

Giáo viên gọi mở bằng câu hỏi ngắn:

- Hàng hóa bán được hoặc không bán được cho thấy điều gì?

- Giá cả, chất lượng, cung – cầu đang cung cấp thông tin gì?

- Vì sao vốn, lao động, hàng hóa lại chuyển sang lĩnh vực đang có nhu cầu cao?

Bước 3. Báo cáo kết quả, thảo luận

Giáo viên mời đại diện một số nhóm trình bày kết quả theo từng tình huống.

Các nhóm còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

Giáo viên tổ chức thảo luận bằng các câu hỏi chất vấn mở rộng, bám sát kết quả trình bày của học sinh:

Đối với chức năng thừa nhận: Không phải cứ sản xuất ra là thị trường chấp nhận. Vì sao? Định hướng: Sản phẩm phải đáp ứng nhu cầu, thị hiếu, chất lượng và mức giá phù hợp với người mua.

Đối với chức năng thông tin: Nếu thông tin thị trường bị làm sai lệch bởi quảng cáo gian dối, người tiêu dùng và người sản xuất chân chính có thể gặp rủi ro gì?

Định hướng: Người tiêu dùng có thể mất tiền, mua hàng kém chất lượng; người sản xuất chân chính mất khách hàng, chịu cạnh tranh không lành mạnh.

Đối với chức năng điều tiết, kích thích: Từ tình huống nước mía đóng chai, hãy lấy một ví dụ ở địa phương cho thấy nguồn lực kinh tế có xu hướng dịch chuyển đến nơi có nhu cầu và lợi ích hợp pháp.

Định hướng: Có thể nêu ví dụ về quán ăn sáng, dịch vụ giao hàng, cửa hàng văn phòng phẩm gần trường học, dịch vụ du lịch mùa cao điểm, sản phẩm nông sản theo mùa

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét kết quả làm việc của các nhóm theo các tiêu chí: đúng kiến thức, có ví dụ thực tế, giải thích được lí do, hợp tác tích cực, không ỷ lại. Giáo viên bổ sung, điều chỉnh những câu trả lời chưa chính xác và chốt kiến thức: - Qua tình huống balo, học sinh cần hiểu rằng thị trường không chỉ là nơi mua bán mà còn là nơi kiểm nghiệm giá trị sử dụng của hàng hóa và lao động của người sản xuất. Hàng hóa bán được chứng tỏ sản phẩm phù hợp với nhu cầu xã hội; hàng hóa bán chậm hoặc không bán được cho thấy người sản xuất cần điều chỉnh giá cả, chất lượng, mẫu mã hoặc đối tượng khách hàng. - Qua tình huống giá vở học sinh, học sinh cần hiểu rằng giá cả, chất lượng, cung – cầu, chủng loại hàng hóa là những thông tin quan trọng giúp người tiêu dùng lựa chọn hợp lí và giúp người sản xuất, người bán điều chỉnh hoạt động kinh doanh. Vì vậy, quảng cáo sai sự thật, che giấu thông tin, nâng giá bất hợp lí là những hành vi làm sai lệch chức năng thông tin của thị trường	
--	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

(Thời lượng: 18 phút)

a) Mục tiêu hoạt động: Vận dụng kiến thức để giải quyết các tình huống kinh doanh trực tuyến và đánh giá hành vi tiêu dùng. Mã năng lực số: Mã 1.1.NC1b.

b) Nội dung hoạt động: Học sinh thực hiện bài tập trắc nghiệm số và xử lý tình huống tự luận (nghe - viết - nói).

c) Sản phẩm học tập: Kết quả trắc nghiệm và lập luận xử lý tình huống của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên tổ chức đánh giá nhanh và xử lý bối cảnh. <i>Tích hợp năng lực số (Mã 1.1.NC1b) (Giao 2 phương án):</i> + <i>Phương án 1 (Có thiết bị):</i> Học sinh truy cập Quizizz/Azota làm 5 câu trắc nghiệm Đúng/Sai bối cảnh thực tiễn. + <i>Phương án 2 (Không có thiết bị):</i> Giáo viên trình chiếu câu hỏi, học sinh dùng thẻ (xanh/đỏ) để giơ lên trả lời. Tiếp theo, giáo viên giao bối cảnh SGK: "<i>Gia đình K kinh doanh thời trang cao cấp. K đề xuất quảng cáo trên nền tảng số để mở rộng khách hàng nhưng mẹ không đồng ý vì cho rằng mạng xã hội chỉ hợp bán hàng kém chất lượng</i>". Yêu cầu học sinh đóng vai K, dựa vào chức năng thị trường để lập luận thuyết phục mẹ.	LUYỆN TẬP Xử lý tình huống (Gia đình bạn K): - Lập luận thuyết phục mẹ K: + Thị trường trực tuyến (thương mại điện tử) không giới hạn chủng loại và giá trị hàng hóa; đây là xu thế tất yếu của nền kinh tế hiện đại. + Việc đưa sản phẩm lên không gian mạng giúp tận dụng tối đa chức năng thông tin của thị trường, cập nhật nhanh chóng nhu cầu của khách hàng để tiêu thụ sản phẩm tốt hơn. + Doanh nghiệp hoàn toàn có thể khẳng định uy tín trên

Nội dung câu hỏi phương án 2: - Hàng hóa cứ sản xuất ra là được thị trường thừa nhận → Sai – phải đáp ứng nhu cầu, giá cả, chất lượng. - Giá cả là một loại thông tin của thị trường → Đúng – giá giúp người mua, người bán ra quyết định. - Quảng cáo sai sự thật làm méo mó chức năng thông tin. → Đúng – gây hiểu sai, mua bán không minh bạch. - Nhu cầu tăng có thể làm nguồn lực chuyển sang ngành đó. → Đúng – nguồn lực thường chuyển đến nơi có nhu cầu cao. - Cạnh tranh lành mạnh có thể thúc đẩy cải tiến sản xuất. → Đúng – cạnh tranh thúc đẩy nâng chất lượng, giảm chi phí. - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh thực hiện độc lập, viết các luận điểm ra vở (Thời gian: 5 phút). Giáo viên định hướng học sinh yếu sử dụng từ khóa "chức năng thông tin". - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Giáo viên chỉ định ngẫu nhiên 3 học sinh (đại diện mức Khá, TB, Yếu) trình bày lập luận. Học sinh dưới lớp lắng nghe, phản biện. - Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên đánh giá mức độ hiểu bài. Giáo viên nhấn mạnh: Quan niệm của mẹ K chưa phù hợp với thực tiễn kinh tế số. Thị trường trực tuyến tối ưu hóa chức năng thông tin cho mọi mặt hàng. Tuy nhiên, khi tham gia không gian số, chủ thể kinh doanh phải tuân thủ pháp luật, nộp thuế và bảo mật thông tin	không gian số bằng cách cung cấp thông tin minh bạch, bảo mật dữ liệu khách hàng, cam kết chất lượng sản phẩm và thực hiện nghĩa vụ đóng Thuế đầy đủ cho Nhà nước.
---	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

(Thời lượng: Giao nhiệm vụ 5 phút)

a) Mục tiêu hoạt động: Mức độ Vận dụng cao. Học sinh lập kế hoạch và thực hiện khảo sát thực trạng thị trường địa phương. Mã Năng lực số: (Mã 3.1.NC1a); Mã AI: (Mã NLc).

b) Nội dung hoạt động: Học sinh thực hiện dự án khảo sát (Làm - Tạo ra sản phẩm) một loại hình thị trường tại nơi sinh sống (chợ, siêu thị, hiệu sách...). Đánh giá biến động giá cả và đạo đức kinh doanh.

c) Sản phẩm học tập: Báo cáo kết quả khảo sát (Văn bản giấy A3 hoặc Infographic).

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Giáo viên sử dụng Phương pháp dạy học dự án. Chia lớp thành các nhóm hỗn hợp (4-6 học sinh/nhóm). Giáo viên cung cấp bảng tiêu chí đánh giá (Rubric) quy định rõ yêu cầu về kiến thức và hợp tác.

Nội dung: KHẢO SÁT MỘT THỊ TRƯỜNG ĐỊA PHƯƠNG

VẬN DỤNG – DỰ ÁN

KHẢO SÁT MỘT THỊ TRƯỜNG ĐỊA PHƯƠNG

Mỗi nhóm chọn một địa điểm:

- Chợ
- Siêu thị
- Hiệu sách
- Cửa hàng văn phòng phẩm
- Dịch vụ ăn uống gần trường

PHIẾU KHẢO SÁT NHANH

- ☒ Tên địa điểm
- ☒ Loại hình
- ☒ Sản phẩm/dịch vụ chính
- ☒ Giá cả
- ☒ Khách hàng mục tiêu
- ☒ Ưu điểm
- ☒ Khó khăn/Thách thức
- ☒ Đề xuất cải thiện

BÁO CÁO KẾT QUẢ

Sản phẩm:
báo cáo A3 hoặc infographic

PHIẾU KHẢO SÁT DỰ ÁN

Nhóm:

Địa điểm khảo sát:

Nội dung khảo sát	Kết quả
<u>Mặt hàng/dịch vụ chính</u>	...
<u>Giá cả có niêm yết không?</u>	...
<u>Nhu cầu người mua ra sao?</u>	...
<u>Có cạnh tranh giữa người bán không?</u>	...
<u>Có biểu hiện quảng cáo sai, bán hàng cấm không?</u>	...
<u>Bài học rút ra</u>	...

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

Học sinh thực hiện dự án ngoài giờ lên lớp. Phân công nhiệm vụ rõ ràng (HS giỏi tổng hợp, HS trung bình phỏng vấn, HS yếu chụp ảnh/trang trí). Giáo viên theo dõi tiến độ qua nhóm học tập trực tuyến và hỗ trợ khi cần.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Ở tiết học tuần tiếp theo, giáo viên tổ chức "Triển lãm phòng tranh" (Gallery Walk). Học sinh di chuyển tham quan, sử dụng giấy ghi chú (sticky note) dán nhận xét và đánh giá đồng đẳng (Peer-assessment) sản phẩm của nhóm bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định:(*Sẽ thực hiện tại tiết đánh giá*). Giáo viên chấm điểm dựa trên Rubric; nhận xét sự tiến bộ của các học sinh yếu; khen thưởng các dự án có số liệu thực chứng xuất sắc, lan tỏa thông điệp kinh doanh lâm chính.

DUYỆT CỦA TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày.....tháng..... năm
GIÁO VIÊN
(Ký và ghi rõ họ tên)

IV.
NH
ẬN
XÉ
T,
RÚ
T
KI
NH
NG

HIỆM BÀI DẠY, GIAO NHIỆM VỤ BÀI MỚI (nếu có)

.....
.....
.....
.....